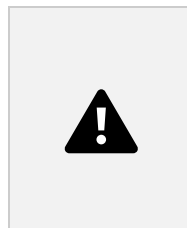


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

GV.BÙI TRỌNG TÀI – LÊ VĂN CẢNH



TẬP BÀI GIẢNG CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Lưu hành nội bộ)

Thái Nguyên, 2011

MỤC LỤC

MỤC LỤC.. 2

LỜI NÓI ĐẦU.. 4

CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN CHÍNH TRỊ HỌC.. 5

1.1. Khái niệm chính trị 5

1.1.1. Các quan niệm trước Mác về chính trị. 5

1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Chính trị. 6

1.2. Nguồn gốc và bản chất của chính trị 7

1.2.1. Nguồn gốc kinh tế của chính trị 7

1.2.2. Bản chất giai cấp của chính trị 8

1.3. Kết cấu của chính trị 9

1.3.1. Hệ tư tưởng chính trị 9

1.3.2. Thể chế chính trị 10

1.3.3. Hệ thống chính trị 11

1.4. Chính trị học là một khoa học. 11

1.4.1 Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của chính trị học. 11

1.4.2. Phương pháp nghiên cứu của chính trị học. 13

CHƯƠNG 2. KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VÀ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ 14

2.1. Lược sử tư tưởng chính trị Phương Đông. 14

2.1.1. Nho gia. 14

2.1.2. Mặc gia. 15

2.1.3. Pháp gia. 16

2.2. Lược sử tư tưởng chính trị Phương Tây. 17

2.2.1. Tư tưởng chính trị phương Tây cổ đại 17

2.2.2. Tư tưởng chính trị phương Tây thời trung cổ. 21

2.2.3. Tư tưởng chính trị phương Tây cận đại 22

2.3. Lược sử tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. 25

2.3.1. Tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác –Lênin. 25

2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị 28

CHƯƠNG 3. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ 32

3.1. Quan niệm chung về quyền lực và quyền lực chính trị. 32

3.1.1. Quan niệm chung về quyền lực. 32

3.1.2. Quyền lực chính trị 32

3.2. Quá trình hình thành và phát triển của quyền lực chính trị. 33

3.3. Tổ chức và cơ chế thực thi quyền lực chính trị. 36

3.3.1. Tổ chức thực thi quyền lực chính trị. 36

3.3.2. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị 36

3.4. Giành, giữ và chuyển giao quyền lực chính trị. 37

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 39

4.1. Khái niệm hệ thống chính trị 39

4.2. Kết cấu và chức năng của hệ thống chính trị. 39

4.2.1. Kết cấu của hệ thống chính trị 39

4.2.2. Chức năng của hệ thống chính trị 41

4.3. Phân loại hệ thống chính trị 42

4.3.1. Phân loại dựa theo bản chất của chế độ xã hội 42

4.3.2. Phân loại dựa theo dấu hiệu của Đảng chính trị trong hệ thống chính trị 42

4.3.3. Phân loại hệ thống chính trị dựa theo mối quan hệ quyền lực giữa các bộ phận cấu thành hệ thống. 43

4.4. Hệ thống chính trị ở nước ta. 44

4.4.1. Kết cấu của hệ thống chính trị ở nước ta. 44

4.4.2. Bản chất và đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta. 49

CHƯƠNG 5. ĐẢNG CHÍNH TRỊ 51

5.1. Quan niệm chung về Đảng chính trị 51

5.1.1. Khái niệm chung về Đảng và Đảng chính trị 51

5.1.2. Những đặc điểm của Đảng chính trị 52

5.2. Đảng cầm quyền. 52

5.2.1. Quan niệm về Đảng cầm quyền. 52

5.2.2. Vị trí, chức năng của Đảng cầm quyền. 53

5.3. Đảng Cộng và tính tất yếu ra đời của Đảng cộng sản 53

5.3.1. Đảng Cộng sản. 53

5.3.2. Tính tất yếu và quy luật ra đời của Đảng Cộng sản	54
5.4. Đảng Cộng sản Việt Nam..	54
5.4.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam..	54
5.4.2. Vị trí của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa.	56
5.4.3. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam..	56
CHƯƠNG 6. VĂN HOÁ CHÍNH TRỊ	59
6.1. Quan niệm chung về văn hoá và văn hóa chính trị.	60
6.1.1. Khái niệm văn hóa.	60
6.1.2. Khái niệm văn hóa chính trị	61
6.2. Kết cấu, đặc điểm, vai trò, chức năng của văn hóa chính trị.	62
6.2.1. Kết cấu của văn hoá chính trị	62
6.2.2. Đặc điểm của văn hoá chính trị	63
6.2.3. Chức năng của văn hoá chính trị	65
CHƯƠNG 7. CON NGƯỜI CHÍNH TRỊ VÀ THỦ LĨNH CHÍNH TRỊ	67
7.1. Con người chính trị và vị trí của nó trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị.	67
7.1.1. Quan niệm chung về con người chính trị	67
7.1.2. Đội ngũ hoạt động chính trị	67
7.1.3. Quần chúng nhân dân.	68
7.2. Thủ lĩnh chính trị	68
7.2.1. Khái niệm thủ lĩnh chính trị	68
7.2.2. Những phẩm chất của thủ lĩnh chính trị	70
7.2.3. Vai trò của thủ lĩnh chính trị	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO..	74

LỜI NÓI ĐẦU

Chính trị không chỉ là một tiểu hệ thống thuộc Kiến trúc thượng tầng xã hội, có tác động ảnh hưởng tới các yếu tố quan hệ sản xuất hợp thành cơ sở hạ tầng xã hội, mà quan trọng còn là hoạt động thực tiễn của các giai cấp, các đảng phái và các chủ thể khác nhau trong đời sống xã hội. Việc đặt câu hỏi vì sao cần phải nghiên cứu chính trị trên lý thuyết đã không còn quan trọng nữa, mà thực tiễn đã chỉ ra rằng, mỗi bước đi của hoạt động chính trị ngày càng cần phải có lý thuyết soi đường. nếu không muốn rơi vào sai lầm, phiền diện và đi đến chỗ thất bại. Do đó, khoa học chính trị cần và phải tiếp tục hoạt động một cách tích cực để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Việt Nam là một quốc gia có nền chính trị ổn định, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quản lý xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam, chúng ta đang quyết tâm và vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, phía trước còn tồn tại rất nhiều khó khăn, thách thức cả về lý luận và thực tiễn để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục khoa học chính trị, các trường Đại học và Cao đẳng trên cả nước đã và đang tích cực nghiên cứu và đưa vào chương trình đào tạo những nội dung của chính trị học. Điều này không chỉ giúp sinh viên có sự nhận thức đúng đắn trong tư tưởng về chính trị, mà quan trọng hơn còn giáo dục lý tưởng, truyền thống yêu nước, tạo ra những thế hệ sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, biết hành động vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Trong khuôn khổ chương trình đào tạo các ngành khoa học xã hội của trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, tập thể các tác giả của khoa Văn – Xã hội đã mạnh dạn biên soạn cuốn “**Tập bài giảng chính trị học đại cương**”, góp phần vào hoàn thành mục tiêu đào tạo của nhà trường, đồng thời giáo dục truyền thống, lý tưởng cho sinh viên về chế độ chính trị xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Với những kiến thức còn hạn hẹp, cộng với quá trình nghiên cứu về vấn đề chính trị chưa nhiều, chắc chắn nội dung của tập bài giảng sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Các tác giả rất mong nhận được sự góp ý từ phía các nhà nghiên cứu và sinh viên.

Các tác giả

CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN CHÍNH TRỊ HỌC

1.1. Khái niệm chính trị

Chính trị là một hiện tượng xã hội ra đời gắn liền với sự ra đời của giai cấp và Nhà nước. Từ khi xuất hiện, chính trị đã có ảnh hưởng to lớn tới quá trình tồn tại và phát triển của mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia, dân tộc và toàn nhân loại. Bởi vậy nghiên cứu và định hình về chính trị cũng được các học giả Đông - Tây - kim - cổ bàn luận không ít giấy mực. Trước khi chính trị học ra đời với tư cách là một khoa học (political science) nghiên cứu chính trị như một chỉnh thể, có đối tượng,

phương pháp, khái niệm, phạm trù..., đã có rất nhiều các quan niệm, quan điểm, thậm chí là tư tưởng, học thuyết của các học giả khác nhau bàn về các khía cạnh của chính trị. Dưới đây, sẽ trình bày một số quan niệm về chính trị, trong đó có các quan niệm của các học giả trước Mác và quan niệm của chủ nghĩa Mác.

1.1.1. Các quan niệm trước Mác về chính trị.

Ở phương Tây thời kỳ cổ đại, nổi lên các triết gia, chính trị gia lỗi lạc về chính trị: **Hê-rô-đốt**: Được mệnh danh là người "cha của chính trị học". Từ chỗ nghiên cứu và phân tích sự khác biệt giữa các hình thức chính thể: Quân chủ, Quý tộc và Dân chủ, ông khẳng định chính trị tốt nhất là thể chế hỗn hợp của các chính thể này.

Platon: Chính trị là "nghệ thuật cung đình" liên kết trực tiếp của người anh hùng và sự thông minh. Sự liên kết đó được thực hiện bằng sự thống nhất tư tưởng và tinh thần hữu ái.

Chính trị là nghệ thuật cai trị. Cai trị bằng sức mạnh là độc tài, cai trị bằng nghệ thuật mới là đích thực.

Aristotle: Chính trị là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên- là hình thức giao tiếp cao nhất của con người; con người là động vật chính trị; quyền lực chính trị có thể được phân chia thành lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ở phương Đông cổ đại, nhất là ở Trung Quốc thời kỳ "bách gia chư tử" - trăm hoa đua nở - trăm nhà đua tiếng cũng xuất hiện những tư tưởng chính trị kiệt xuất. Nổi bật nhất là các quan niệm của Khổng tử, Hàn Phi tử, Lão tử...

Khổng tử: Chính trị là công việc của người quân tử, là làm cho chính đạo, chính danh. Ông xây học thuyết về Nho gia với các quan điểm Tam cương, Ngũ thường - là cơ sở nền tảng cho các xã hội phong kiến phương Đông lúc bấy giờ và cả sau này.

Hàn Phi tử: Ông quan niệm để thực hiện hoạt động chính trị cần thiết phải xây dựng và ban hành pháp luật. Với luận thuyết nổi tiếng về thế, thuật và pháp - ông là đại diện tiêu biểu của phái Pháp gia.

Lão tử: Với quan điểm "vô vi nhi trị" - không làm gì mà mọi người tự thuận phục, tự tìm đến với con đường chính đạo thì đó là cái gốc của nghệ thuật trị nước.

Thời kỳ đêm trường trung cổ: Chính trị được các nhà Thần học và chủ nghĩa duy tâm như Tômat Đa-Canh...cho rằng "chính trị có nguồn gốc từ quyền lực tối cao của Thượng đế".

Thời kỳ các học thuyết và tư tưởng tự sản về chính trị: Nổi tiếng với các thuyết

"tam quyền phân lập, kế hoạch xã hội". Chính trị được quan niệm là công việc của những "công dân" có tài sản.

Các tư tưởng và học thuyết nêu trên ít nhiều đã đề cập được những vấn đề cơ bản của chính trị như vấn đề tổ chức Nhà nước, các hình thức Nhà nước và các chính thể, vấn đề quyền lực Nhà nước, thủ lĩnh chính trị.... Tuy nhiên do những hạn chế về lập trường, quan điểm, điều kiện lịch sử- xã hội mà các học thuyết đó ít nhiều còn bộc lộ những quan điểm thô sơ, chất phác, thậm chí là sai lầm về chính trị.

1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Chính trị.

Nghiên cứu một cách nghiêm túc các quan điểm trước đi trước về chính trị, đồng thời vận dụng một cách khoa học các phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đề xuất những nhận định đúng đắn về chính trị:

Một là, Chính trị là lợi ích, là quan hệ lợi ích, là đấu tranh giai cấp trước hết vì lợi ích giai cấp: Chính trị xuất hiện cùng với sự ra đời của giai cấp và Nhà nước. Sự xuất hiện đó một mặt là công cụ để một giai cấp giữ vị trí thống trị nền sản xuất xã hội, mặt khác nhằm điều hoà và giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa giai cấp đó với các giai tầng xã hội khác. Hoạt động chính trị chính là hoạt động thực tiễn của các giai cấp- vì lợi ích giai cấp.

Hai là, Cái căn bản nhất của chính trị là việc tổ chức quyền lực nhà nước, là sự tham gia vào công việc Nhà nước, là định hướng cho nhà nước, xác định hình thức, nội dung, nhiệm vụ của Nhà nước. Quyền lực là vấn đề trung tâm của chính trị. Từ chỗ nắm quyền lực chính trị, người ta tổ chức ra bộ máy thực thi quyền lực đó- là Nhà nước. Nhà nước cần phải tổ chức theo hình thức nào, vận động theo những mục tiêu, nội dung hoạt động của Nhà nước là gì. Công dân tham gia vào công việc của Nhà nước ra sao. Tất cả những điều đó là nội dung nội cốt của chính trị.

Ba là, Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế. Đồng thời, chính trị không thể không chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế.

Tính tập trung về kinh tế của chính trị biểu hiện ở chỗ: Thứ nhất, tất cả mọi hoạt động của nền kinh tế đều đặt dưới sự quản lý- điều tiết của một thể chế chính trị. Hoạt động chính trị chính là hoạt động vì lợi ích của một quốc gia, cộng đồng và trên hết là lợi ích giai cấp. Thứ hai, các thành phần kinh tế của một cộng

đồng, quốc gia thì chính trị không thể không nắm phần quan trọng, phần chủ yếu nhất của nền kinh tế đó.

Chính trị không thể không chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế biểu hiện ở chỗ: Thứ nhất, chính trị luôn là hoạt động đi trước, hoạt động tạo hành lang, tạo môi trường cho kinh tế phát triển. Thứ hai, Chính trị có ổn định thì kinh tế mới có bước phát triển. Chính trị mất ổn định nền sản xuất xã hội sẽ bị đình trệ, ảnh hưởng nghiêm trọng tới an ninh quốc gia.

Bốn là, Chính trị là lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm nhất, liên quan tới vận mệnh hàng triệu người. Giải quyết những vấn đề chính trị vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật. Chính trị không chỉ dừng lại ở việc làm thế nào để điều tiết một Nhà nước hoạt động, quản lý tất cả các mặt của đời sống xã hội, ban hành pháp luật...tức là hoạt động đối nội, mà còn liên quan đến quan hệ mang tính đa quốc gia, mang tầm vóc quốc tế, có ảnh hưởng lớn đến sự tồn vong của một quốc gia - tức là hoạt động đối ngoại. Do vậy vấn đề chính trị là hết sức phức tạp và nhạy cảm. Để giải quyết vấn đề chính trị đòi hỏi có cả kiến thức khoa học cùng sự uyển chuyển, khéo léo của nghệ thuật.

Từ đây, chúng ta có thể rút ra kết luận khái quát về chính trị:

Chính trị là hoạt động trong lĩnh vực quan hệ giữa các giai cấp, cũng như các dân tộc và các quốc gia với vấn đề giành, giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực Nhà nước; là sự tham gia của nhân dân vào công việc của Nhà nước và xã hội, là hoạt động chính trị thực tiễn của giai cấp, các đảng phái chính trị, các nhà nước nhằm tìm kiếm những khả năng thực hiện đường lối và những mục tiêu đã đề ra nhằm thỏa mãn lợi ích.

1.2. Nguồn gốc và bản chất của chính trị

1.2.1. Nguồn gốc kinh tế của chính trị

Nguồn gốc kinh tế của chính trị thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, xét về sự xuất hiện của chính trị trong lịch sử nhân loại: Chính trị ra đời gắn liền với sự xuất hiện của giai cấp và nhà nước. Sự xuất hiện đó lại liên quan chặt chẽ đến vấn đề tư hữu tư liệu sản xuất - tư hữu những của cải dư thừa của xã hội- cũng tức là liên quan đến hoạt động kinh tế. Để bảo vệ cho sự tư hữu về tư liệu sản xuất đó, những tầng lớp "trên" của xã hội đã tổ chức ra nhà

nước nhằm mục đích cưỡng chế các giai tầng xã hội khác. Như vậy chính trị xuất hiện trong lịch sử xuất phát từ kinh tế.

Thứ hai, xét trên góc độ lợi ích: Chủ nghĩa Mác- Lênin khẳng định chính trị chính là lợi ích, là quan hệ giữa các giai cấp trong việc phân chia lợi ích. Như vậy chính trị chính là sự biểu hiện tập trung của kinh tế.

Thứ ba, xét trên quan điểm về các hình thái kinh tế, xã hội: Chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng, bao gồm hệ tư tưởng chính trị, nhà nước, các đảng phái xuất hiện khi xã hội phân chia thành các giai cấp dựa trên cơ sở hạ tầng kinh tế. Như vậy, chính Cơ sở hạ tầng kinh tế là yếu tố quyết định đến sự hình thành các quan điểm và các thiết chế chính trị.

Tuy nhiên, chính trị cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại tới cơ sở hạ tầng là các quan hệ sản xuất. Theo chủ nghĩa Mác- Lênin "Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, đồng thời chính trị không thể không chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế". Việc hình thành một quan điểm Chính trị đúng về lĩnh vực kinh tế là điều kiện để giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ kinh tế. Viết về điều này, Lênin khẳng định "Không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể giữ vững được sự thống trị của mình, và do đó, cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất"([1]).

1.2.2. Bản chất giai cấp của chính trị

Nhắc đến chính trị, người ta không thể không nhắc đến vấn đề giai cấp. Tuy nhiên, vấn đề giai cấp không phải có mối quan hệ xa xôi nào đó đối với chính trị, mà thực chất giai cấp chính là vấn đề bản chất của chính trị. Những nội dung cơ bản thể hiện bản chất giai cấp của chính trị là:

Thứ nhất: Chính trị bao giờ cũng là sự bộc lộ mối quan hệ giữa các giai cấp: Trong một xã hội có giai cấp, chính trị với những thiết chế được đặt ra là để xác lập mối quan hệ giữa các giai cấp. Khái niệm quan hệ chính trị cho chúng ta thấy, đó là quan hệ giữa các giai cấp, trong việc giành, giữ và tổ chức quyền lực Nhà nước. Trong các quan hệ đó, các giai cấp xác định đâu là giai cấp thống trị, đâu là giai cấp, tầng lớp bị thống trị, đâu là giai cấp, tầng lớp tham gia vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Thứ hai, bản chất chính trị của giai cấp thể hiện ở sự tổ chức thành Đảng phái, thành Nhà nước để giai cấp thống trị đạt được mục đích trấn áp giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội vì lợi ích trước hết và trên hết của giai cấp mình.

Thông qua hoạt động của các Đảng phái là đội tiên phong của chính mình, đồng thời thông qua hoạt động của Nhà nước, giai cấp thống trị gián tiếp can thiệp vào các hoạt động tổ chức sản xuất và đời sống xã hội.

Thứ ba, bản chất chính trị của giai cấp còn liên quan đến vấn đề quyền lực chính trị. Các mác khẳng định "Quyền lực chính trị thực chất là bạo lực có tổ chức của giai cấp này, trấn áp giai cấp khác". Mỗi một giai cấp sẽ có cách thức sử dụng quyền lực chính trị khác nhau. Chế độ phong kiến sử dụng quyền lực tuyệt đối thuộc về một người, chế độ tư sản sử dụng quyền lực trên cơ sở thuyết Tam quyền phân lập; chế độ xã hội chủ nghĩa quyền lực được xuất phát từ nhân dân và có sự phân công, phân nhiệm trong sử dụng.

Thứ tư, bản chất giai cấp của chính trị thể hiện ở chế độ văn hóa chính trị, bao gồm hệ tư tưởng, nền tảng pháp lý và các giá trị, chuẩn mực được áp dụng cho toàn xã hội.

Tóm lại, bản chất giai cấp của chính trị thể hiện rõ nét qua kết luận: giai cấp nào thì chính trị đó.

1.3. Kết cấu của chính trị

Dưới góc độ tiếp cận của lý thuyết hệ thống, chính trị là một tổng thể được hợp thành bởi các yếu tố (bộ phận) khác nhau có quan hệ chặt chẽ với nhau. Từ đó hình thành kết cấu chính trị.

Kết cấu chính trị là khái niệm chỉ các yếu tố cấu thành một nền chính trị và mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành đó. Các yếu tố cấu thành một nền chính trị bao gồm: 1- **Hệ tư tưởng chính trị**; 2- **Thế chế chính trị**; 3- **Hệ thống chính trị**. Dưới đây sẽ làm rõ các yếu tố cấu thành này cùng mối quan hệ giữa chúng.

1.3.1. Hệ tư tưởng chính trị

Một cách khái quát, *hệ tư tưởng chính trị là toàn bộ những học thuyết, tư tưởng, quan điểm, của một giai cấp về: giành và giữ quyền lực nhà nước; xác định chế độ chính trị; hình thức tổ chức nhà nước; và quan hệ với các giai cấp, tầng lớp khác.*

Bất cứ một giai cấp, một tầng lớp nào cũng cần và phải xây dựng cho mình một tư tưởng, một học thuyết làm nền tảng để xây dựng chế độ chính trị và cơ chế thực thi quyền lực chính trị. Hệ tư tưởng chính trị quy định lập trường tư tưởng và bản lĩnh chính trị của một giai cấp; giải thích các phương thức giành và

giữ quyền lực chính trị, xác lập và điều chỉnh các vấn đề xã hội, khẳng định mục tiêu và đường hướng xây dựng xã hội.

Hệ tư tưởng chính trị có vai trò vô cùng quan trọng, thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, Hệ tư tưởng chính trị là kim chỉ nam soi đường cho quá trình đấu tranh của một giai cấp. Chỉ có hệ tư tưởng chính trị mới chứa đựng những mục tiêu và phương pháp để một giai cấp tiến lên giành chính quyền.

Thứ hai, Hệ tư tưởng chính trị xác định mối quan hệ giữa giai cấp này với giai cấp khác

Thứ ba, Hệ tư tưởng chính trị mô tả chế độ chính trị, xác định hình thức và bản chất Nhà nước, các cơ chế phân chia quyền lực chính trị.

[1] trích theo *Từ điển bách khoa toàn thư tại địa chỉ* "<http://www.....>

Thứ tư, Hệ tư tưởng chính trị xác định mục tiêu, nội dung và phương thức lãnh đạo, quản lý xã hội.

Khẳng định tầm quan trọng của hệ tư tưởng chính trị Lênin viết: "*Không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể giữ vững được sự thống trị của mình, và do đó, cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất*"([1]).

Điểm một số hệ tư tưởng chính trị trong lịch sử:

Hệ tư tưởng Phong kiến: Nho gia, Pháp gia, Lý luận chính trị của Platon, Aristot...

Hệ tư tưởng Tư Bản chủ nghĩa: Người được mệnh danh là "lãnh tụ tinh thần của giai cấp tư sản là Jean Jacques Rousseau. Kế đó, học thuyết về Tam quyền phân lập của Montesquieu, Khế ước xã hội của Rút-xô...

Hệ tư tưởng Cộng sản chủ nghĩa: Học thuyết Mác Lê – Lê Nin và tư tưởng của lãnh tụ các dân tộc.

Trong quan hệ với thể chế chính trị, hệ tư tưởng chính trị là mục đích, là nội dung của thể chế đó. Hệ tư tưởng chính trị nào thì xác định thể chế chính trị đó; trong quan hệ với hệ thống chính trị, hệ tư tưởng chính trị là "hạt nhân tinh thần", là phần "linh hồn" của hệ thống đó.

1.3.2. Thể chế chính trị

Thể chế chính trị (Political Institute) là những quy định, quy chế, chuẩn mực, quy phạm, nguyên tắc, luật lệ...nhằm điều chỉnh và xác lập các quan hệ chính trị.

Mặt khác là những dạng thức cấu trúc tổ chức, các bộ phận chức năng cấu thành của một chủ thể chính trị hay hệ thống chính trị.

Như vậy, thể chế chính trị tồn tại dưới hai dạng thức:

Thứ nhất, là các quy định, quy chế, quy phạm. Những điều này tồn tại trong các tuyên ngôn về Cương Lĩnh chính trị, điều lệ của một Đảng cầm quyền, những chỉ thị, Nghị quyết của Đảng đó. Đồng thời cũng là các quy định Pháp luật mang tính thành văn hoặc bất thành văn của một quốc gia do giai cấp thống trị ban hành và cưỡng chế thực hiện trên phạm vi toàn lãnh thổ quốc gia đó. Các quy phạm pháp luật này là tồn tại chủ yếu của thể chế chính trị dưới dạng này và chứa trong các Hiến pháp, pháp luật....của quốc gia.

Thứ hai, là các hình thức cấu trúc tổ chức: Điều này hàm chỉ các tổ chức là thực thể cấu thành hệ thống chính trị có chức năng thực thi quyền lực chính trị. Các thực thể này sẽ được nói đến cụ thể ở mục dưới đây về hệ thống chính trị.

Thể chế chính trị là hình thức biểu hiện của hệ tư tưởng chính trị, là "con đẻ" của hệ tư tưởng chính trị.

Hệ thống chính trị là một bộ phận cấu thành của thể chế chính trị.

1.3.3. Hệ thống chính trị

Trên nền tảng một chế độ chính trị, hệ thống chính trị được thành lập.

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các thiết chế quyền lực chính trị, được xã hội thừa nhận bao gồm các tổ chức chính trị như Đảng phái, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội có mối quan hệ mang tính pháp quy với nhau cùng liên kết nhằm thực hiện mục tiêu chính trị phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.

Như vậy, cấu thành hệ thống chính trị bao gồm các thực thể

- Đảng chính trị
- Nhà nước
- Các tổ chức đại diện cho các lực lượng khác nhau trong xã hội.

Mỗi thực thể nêu trên lại có những chức năng riêng và đồng thời có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Sự liên kết đó tạo thành một cơ chế hoạt động nhịp nhàng, giúp cho giai cấp thống trị đạt được mục tiêu chính trị của mình. Do đó, hệ thống chính trị chính là công cụ, là phương tiện và là phương thức tổ chức thực tiễn quyền lực chính trị của giai cấp thống trị.

Những vấn đề về Hệ thống chính trị sẽ được xem xét một cách cụ thể tại chương IV.

1.4. Chính trị học là một khoa học

1.4.1 Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của chính trị học.

Đối tượng nghiên cứu của chính trị học xoay quanh các vấn đề của đời sống chính trị nhằm làm sáng tỏ những quy luật chung nhất của đời sống chính trị, cơ chế tác động, cơ chế sử dụng cùng những phương thức, những thủ thuật chính trị để hiện thực hoá những quy luật chung đó. Vấn đề trung tâm của Chính trị học là nghiên cứu quyền lực chính trị, phương thức giành quyền lực chính trị, các thiết chế và các hình thức tổ chức thực hiện quyền lực chính trị, các kiểu hệ thống chính trị đã có trong lịch sử và đang tồn tại trong thời đại ngày nay.

Chính trị học cũng nghiên cứu quá trình hoạt động chính trị nhằm giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực chính trị. Chú ý nghiên cứu làm rõ các vấn đề: mục tiêu chính trị trước mắt và mục tiêu lâu dài mang tính hiện thực; những biện pháp, phương tiện, thủ thuật, hình thức tổ chức có hiệu quả để đạt các mục tiêu đề ra; sự lựa chọn và sắp xếp cán bộ.

Chính trị học cũng nghiên cứu các mối quan hệ về lí luận chính trị của các chế độ xã hội. Vd. lí luận chính trị về nhà nước cổ đại của Platôn (Platon) và Arixtôt (Aristote); "Nho giáo" của Khổng Tử (Kongzi); Chính trị học tư sản; Chính trị học vô sản do Mac và Engchen khởi xướng. Năm 1949, một số nước đã thành lập Hội Khoa học Chính trị Quốc tế (IPSA),

[1] trích theo *Từ điển bách khoa toàn thư tại địa chỉ* "<http://www.....>

theo sáng kiến của UNESCO, nhằm tăng cường liên hệ quốc tế trên lĩnh vực chính trị.

Xuất phát từ các đối tượng đó, chính trị học có những nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, luận giải và khoanh vùng phạm vi khái niệm chính trị, chỉ ra nguồn gốc và bản chất sâu xa của vấn đề chính trị liên quan đến lợi ích kinh tế của giai cấp thống trị xã hội.

Thứ hai, nghiên cứu lịch sử tư tưởng và các học thuyết chính trị nhằm kế thừa những giá trị của tiền nhân, đồng thời chọn lọc và đề xuất áp dụng những tinh hoa chính trị cho thời đại ngày nay.

Thứ ba, nghiên cứu vấn đề quyền lực chính trị, quá trình hình thành và phát triển của quyền lực chính trị, việc tổ chức và cơ chế thực thi quyền lực chính trị,

việc giành, giữ và chuyển giao quyền lực chính trị.

Thứ tư, nghiên cứu hệ thống chính trị: Kết cấu và chức năng của một hệ thống chính trị

Thứ năm, nghiên cứu văn hoá chính trị với tư cách là một thiết chế chi phối và tác động tích cực tới hoạt động chính trị

Thứ sáu, nghiên cứu các vấn đề về Đảng chính trị và Đảng cầm quyền, công tác tư tưởng, tổ chức và xây dựng một Đảng chính trị

Thứ bảy, nghiên cứu vai trò của con người - với tư cách là một động vật chính trị; các phẩm chất cần thiết của một chính khách với tư cách là thủ lĩnh chính trị.

Cuối cùng, tìm hiểu một số vấn đề chính trị quốc tế: Như các cơ quan và tổ chức quốc tế, pháp luật quốc tế.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay, Chính trị học ở Việt Nam tập trung nghiên cứu vấn đề dân chủ hoá hệ thống chính trị nói riêng, dân chủ hoá đời sống xã hội nói chung trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu phương diện chính trị của quá trình đa dạng hoá cơ cấu xã hội - giai cấp, đấu tranh giai cấp, nghiên cứu lý luận chung về đảng cầm quyền, những đặc trưng và yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện dân chủ hoá đời sống xã hội; nghiên cứu các quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau giữa chủ thể lãnh đạo và chủ thể quản lý cũng như giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo, quản lý và bị quản lý; nghiên cứu những phương pháp có hiệu quả trong quản lý, trong kiểm soát xã hội; nghiên cứu các quá trình hình thành và ảnh hưởng của văn hoá chính trị đối với hoạt động chính trị, đối với việc tích cực hoá hoạt động chính trị của mọi thành viên trong xã hội, đối với việc hoàn thiện kỹ năng hoạt động của cán bộ lãnh đạo và quản lý các quá trình chính trị xã hội; nghiên cứu những động lực hoạt động chính trị và sự thể hiện của chúng trong quá trình đổi mới hiện nay ở Việt Nam.

1.4.2. Phương pháp nghiên cứu của chính trị học

Cũng giống như nhiều ngành khoa học, chính trị học có cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.

Cơ sở phương pháp luận của khoa học chính trị là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phương pháp duy vật biện chứng cho phép xem xét đời sống chính trị

trong sự vận động, phát triển: Sự vận động phát triển đó một mặt là sự thay đổi nội tại của các yếu tố cấu thành nền chính trị như: sự phát triển của quyền lực chính trị, của các hình thức Nhà nước trong lịch sử; mặt khác là sự vận động phát triển mang tính quy luật của đời sống chính trị trên cơ sở lý giải mối quan hệ biện chứng giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất với sự phù hợp của quan hệ sản xuất cùng với kiến trúc thượng tầng trên nền các quan hệ sản xuất đó.

Phương pháp duy vật lịch sử cho phép nghiên cứu các chế độ chính trị đặt trong bối cảnh lịch sử của nó. Ở đó có bức tranh sinh động về các cuộc cách mạng xã hội của một giai cấp giành và giữ chính quyền, ở đó cũng có những chế độ xã hội cụ thể, các hình thức Nhà nước cụ thể...để nghiên cứu. Chỉ có những bằng chứng lịch sử mới là những lý lẽ hùng hồn nhất cho những luận thuyết đúng đắn về chính trị.

Phương pháp nghiên cứu của chính trị học bao gồm một số phương pháp sau:

Phương pháp tiếp cận hệ thống: Phương pháp này cho phép nhìn nhận chính trị như một chỉnh thể, một hệ thống với các yếu tố, bộ phận cấu thành và giữa các bộ phận đó có mối quan hệ với nhau. Tiếp cận hệ thống không chỉ cho phép có cái nhìn toàn diện, đầy đủ về kết cấu của một nền chính trị, mà còn là công cụ để đánh giá sự tác động giữa các yếu tố đó với nhau. Từ đó có những nhận định đúng đắn về các sự kiện phức tạp của đời sống chính trị.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Cho phép phân tích các diễn biến của đời sống chính trị, những khía cạnh khác riêng lẻ, khác nhau hoặc lặp đi lặp lại của đời sống chính trị và tổng hợp thành các nhận định mang tính quy luật về đời sống chính trị. Đồng thời phương pháp này cũng cho phép chỉ ra những nguyên nhân - hệ quả cùng bản chất của các sự kiện các hiện tượng chính trị.

CHƯƠNG 2. KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VÀ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH

TRỊ

2.1. Lược sử tư tưởng chính trị Phương Đông.

Ở các nước Phương đông, nhà nước xuất hiện rất sớm trong khi sự phân hóa giai cấp chưa chín muồi. Nhà nước phương Đông ra đời do yêu cầu thống nhất, quản lý trị thủy và thủy lợi, bởi vì công việc này cần có sự tham gia của chính quyền nhà nước tập trung.

Đặc điểm xã hội là công hữu về ruộng đất chiếm ưu thế, tàn dư công xã kéo dài, nền kinh tế xã hội diễn ra với sự cống nạp từ bên dưới và phân phối từ bên trên. Lịch sử chiếm hữu nô lệ ở Trung Quốc là lịch sử đấu tranh tàn khốc giữa chủ nô và nô lệ. Các xung đột của chủ nô và nô lệ diễn ra sâu sắc.

2.1.1. Nho gia

a) *Khổng tử (551 – 479 TCN)*

Ông là nhà tư tưởng nổi bật nhất của Nho giáo. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử được thể hiện tập trung nhất trong quan niệm của ông về Nhân, Lễ, chính danh và mối quan hệ giữa chúng.

- Nhân: Chữ nhân để chỉ mối quan hệ mang tính người của con người. Đó chính là lòng người, lòng thương người, nhân là thương người. Nhân là ái nhân – yêu người. “Người nhân là mình muốn lập thân thì cũng muốn giúp cho người lập thân, mình muốn thông đạt thì cũng muốn cho người thông đạt và điều gì mình không muốn thì chớ đem đến xử người”

Theo Khổng Tử nhân là nền móng, là gốc từ đó nảy sinh ra các phẩm chất đạo đức khác.

- Lễ: Lễ theo nghĩa rộng nghĩa là bao quát không chỉ các chuẩn mực đạo đức trong quan hệ giữa con người với con người mà còn bao gồm cả các hoạt động tế lễ, các hình thức của lễ.

Nhân để khôi phục lễ nhưng nhân phải có hình thức thể hiện tương ứng, phù hợp, đủ sức chuyển tải bản chất ấy – chính là thông qua lễ. Ông chia thành hai loại người trong xã hội là kẻ tiểu nhân và quân tử. Quân tử là người thuộc tầng lớp quý tộc, quan liêu, trí thức thuộc giai cấp thống trị. Tiểu nhân là những người lao động chân tay, thuộc giai cấp bị trị. Ông xem nhân và lễ là đức tính của người quân tử còn tiểu nhân thì tuyệt đối không có nhân cách ấy. Ông coi tu thân là cái gốc của người quân tử. Tu thân phải chính tâm, thành ý, trí tri.

- Chí danh: Ở đây cần nhìn vấn đề chính danh từ sự quy định lẫn nhau giữa phẩm chất và năng lực với vị thế xã hội.

b) Mạnh Tử (372 – 289 TCN)

Mạnh Tử được coi là người kế thừa xuất sắc và chính thống học thuyết của Khổng Tử. Học thuyết của ông là sự phản ánh thực trạng xã hội thời đó theo khuynh hướng cải lương điều hòa mâu thuẫn giai cấp có lợi cho bọn địa chủ quý tộc hơn là bọn quý tộc chủ nô đã đến bước đường cùng.

- Tư tưởng hai hạng người và thuyết tính thiện: Kế thừa quan điểm của Khổng tử về phân chia hai hạng người trong xã hội là quân tử và tiểu nhân, nhưng cụ thể hóa hơn, ông xác định rõ ràng quân tử là những người “lao tâm cai trị người”. và được người cung phụng. Tiểu nhân là những người lao lực bị người cai trị và phải cung phụng cho người.

Bản tính con người là thiện, tính thiện là bốn đức tốt nhân, nghĩa, lễ, trí. Bốn cái đó là trời phú, có giữ được hay không là do tâm của mình. Nếu tâm có đầy đủ 4 đức tính đó thì người với trời hòa hợp.

- Chính trị “vương đạo, nhân chính và được lòng dân”:

Mạnh Tử đề cao vương đạo kịch liệt phê phán bá đạo. Ông coi vương đạo là dùng nhân nghĩa mà trị dân, còn bá đạo là dùng bạo lực để cai trị mà mục đích là tranh lợi. Tranh lợi là nguồn gốc của mọi rối ren, cướp đoạt lẫn nhau. Vương đạo phải thi hành nhân chính, thi hành chính trị được lòng dân.

Một câu nói nổi tiếng của ông là: dân là quý, xã tắc là phụ, vua là thường. Ông cho rằng phải phân phối đất đai cho dân cày cấy, làm cho dân no ấm, sau đó với thúc đẩy dân làm điều thiện. Không cho dân có hằng sản, để cho dân sinh tội lỗi rồi lại dùng hình phạt ra mà trị dân như vậy là chằng lưới để bắt dân.

2.1.2. Mặc gia

Người sáng lập ra trường phái tư tưởng chính trị Mặc gia là Mặc Tử. Mặc tử tên là Mặc Định. Tư tưởng chính trị của ông gồm những vấn đề sau:

* Lý thuyết thương yêu lẫn nhau và cùng có lợi

Ông cho rằng thương yêu lẫn nhau và cùng có lợi là ý trời. Trái với thiên ý là hận thù nhau, làm hại nhau và nhất định sẽ bị trừng phạt. Tư tưởng Thiên ý là sự khẳng định tất yếu của tự do, bình đẳng và thủ tiêu áp bức đối với nhân dân lao động. Xuất phát từ thực tế đời sống thực tế của giai cấp nông dân ông đã phản đối chế độ đẳng cấp đương thời.

Ông nêu ra nguyên tắc xã hội là “kiêm ái”. Yêu không phân biệt thứ bậc. Như vậy kiêm ái không những lợi cho mình mà lợi cho người tức là cùng có lợi. Tôn trọng người xứng đáng và trừng phạt những kẻ bất nhân, không phụ thuộc vào quan hệ thân thuộc. Ông cho rằng không trung, không hiếu, không kính đều là sự vi phạm luân lý, nguyên nhân chính là không yêu thương lẫn nhau.

* Tôn trọng người hiền và học tập người trên

Quan điểm của ông là tôn trọng người xứng đáng và trừng phạt những kẻ bất nhân, không phụ thuộc vào những quan hệ thân thuộc.

Ông cho rằng những người làm nghề nông, công, thương có khả năng thì phải được tiến cử, người có tài, đức thì được trọng thưởng. Ông phản đối chế độ cha truyền con nối của xã hội đương thời. Ông muốn lấy tài năng và đức hạnh làm tiêu chuẩn để thay thế chế độ cha truyền con nối của bọn lãnh chúa phong kiến, đây chính là mầm mống của những tư tưởng dân chủ.

2.1.3. Pháp gia

Người hoàn thiện và phát triển học thuyết chính trị của phái Pháp gia là **Hàn Phi tử**. Theo ông con người làm theo lợi ích cá nhân bao giờ cũng mưu mô, tính toán để kiếm lợi cho mình. Cho nên không thể cai trị bằng nhân, lễ, nghĩa được. Ông kiên quyết phủ nhận lý luận chính trị thần quyền. Đối với ông “người cai trị mà mê tín quỷ thần thì tất nhiên mất nước”. Từ đó ông tập trung vào 3 nguyên lý trong chính trị đó là Pháp, thế, thuật.

- Trọng pháp: Ông khẳng định tầm quan trọng của pháp luật và cho rằng, pháp luật phải công khai, ai cũng phải biết và không ai được tự ý thay đổi. Việc làm cho pháp luật không bị hỏng nát là tiền đề và mục đích tối cao của chính trị.

- Trọng thuật: Thuật là cái nằm kín đáo trong bụng, để so sánh các đầu mối của sự việc và ngấm ngầm cai trị các bề tôi Dùng thuật để làm cho kẻ thân yêu gần gũi cũng không ai biết được. Dùng thuật để thấy rõ tính trung hay gian của bề tôi do đó mà điều khiển được bề tôi.

- Trọng thế: Ông cho rằng chỉ có pháp và thuật mà thiếu quyền lực để cưỡng bức người thì dẫu người có làm vua có thuật điều khiển các bầy tôi cũng không thể đảm bảo cho các bầy tôi phục tùng sự cai trị của vua. Do vậy theo ông Thế là một thứ quyền lực đặt ra cho phù hợp với yêu cầu của pháp luật chứ không phải thứ quyền lực nảy sinh một cách tự nhiên trong chủ nghĩa nhân trị.

- Quan hệ giữa pháp, thuật, và thế

Nếu thế nằm trong tay người kém cỏi cũng có thể gây hại và làm rối loạn

đất nước. Nên quyền lực được đặt cho những người trung bình. Pháp và thế không tách rời nhau, biết giữ gìn pháp và thế thì đất nước yên trị. Nếu trái pháp bỏ thế thì nước nổi loạn.

Pháp là trung tâm, thuật và thế là điều kiện tất yếu để thực hành pháp. Ông cho rằng thưởng phạt là công cụ để chấp hành pháp luật. Do vậy, ông chủ trương phạt nặng và thưởng hậu để chấp hành pháp.

Theo ông hình phạt nghiêm khắc sẽ loại bỏ được sáu loại người: bọn hàng giặc chạy dài, sợ chết: bọn tự cao học đại, tự lập ra cá học thuyết và bọn lìa xã pháp luật: bọn ăn chơi xa xỉ: bọn bạo ngược, ngạo mạn: bọn dung thứ lũ giặc, giấu giếm kẻ gian: bọn nói khéo dối trá.

Dùng hình phạt để khuyến khích sáu loại người: những người lặn mình vào chốn hiểm nghèo, hy sinh thành thực: những người ít nghe lời bậy, tuân theo pháp luật: những người dốc hết sức mà làm ăn, làm lợi cho đời: những người trung hậu thật thà, ngay thẳng: những người trọng mạng mình: những người giết giặc trừ gian.

2.2. Lược sử tư tưởng chính trị Phương Tây.

2.2.1. Tư tưởng chính trị phương Tây cổ đại

a) Đặc điểm lịch sử xã hội – chính trị

Lịch sử tư tưởng chính trị Hy Lạp cổ đại gắn bó hữu cơ với quá trình tiến hóa xã hội và nhà nước Hy Lạp chiếm hữu nô lệ. Sự ra đời, củng cố và hưng thịnh, cuối cùng là suy tàn của nhà nước chiếm hữu nô lệ ở Hy Lạp luôn gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp. Chính trị đã xuất hiện với tư cách là một trong những lĩnh vực kiến thức nhằm định hướng cho việc điều hành những công việc phức tạp của quốc gia.

Vào thế kỷ IX – VIII TCN, nền sản xuất chiếm hữu nô lệ ở Hy Lạp phát triển cao. Nhân loại chuyển từ đồ đồng sang đồ sắt. Việc xuất hiện các quan hệ tiền hàng đã làm cho thương mại và trao đổi hàng hóa được tăng cường. Lãnh thổ của Hy Lạp được mở rộng thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế văn hóa với các dân tộc khác.

Sự phát triển của sản xuất đã dẫn đến việc các quan hệ và tổ chức xã hội bị đảo lộn. Nếu trước đây là hình thức tổ chức xã hội cũ như bộ tộc, bộ lạc thì giờ đây tư tưởng tư hữu và sau đó là chế độ tư hữu về của cải xuất hiện.

Phân công lao động phát triển, xã hội xuất hiện tầng lớp chuyên sống

bằng chí óc tạo điều kiện nảy sinh những tư tưởng chính trị. Sự mâu thuẫn giữa chủ nô dân chủ và giới chủ nô quý tộc mâu thuẫn với những tầng lớp trong nhóm đó.

- + Phái dân chủ cho rằng phải đập tan chế độ chuyên chế độc tài của tầng lớp quý tộc giải phóng khỏi sự nô dịch của giới quý tộc cũ.

- + Giới quý tộc muốn duy trì trật tự cũ và bằng mọi cách bảo vệ đặc quyền của mình.

Chế độ sở hữu cá nhân được thừa nhận và không thay đổi, chế độ nô lệ được coi là tự nhiên phải có. Mâu thuẫn giai cấp cơ bản của xã hội chiếm hữu nô lệ được hình thành là mâu thuẫn giữa nô lệ và chủ nô. Trong quá trình đấu tranh đó nhiều quan niệm về sự bình đẳng, tự do đã nảy sinh.

b) Các nhà chính trị tiêu biểu.

Herodot (480 – 425 TCN)

Thời cổ đại ông được mệnh danh là “Người cha của chính trị học”. Ông phân biệt so sánh các loại hình chính phủ khác nhau và tìm ra những ưu và khuyết điểm của mỗi loại thể chế. Ông so sánh ba loại thể chế khác nhau:

Quân chủ trị: Quyền lực nằm trong tay một người và theo ông đây là một chính phủ không được tổ chức tốt vì nó không để cho người khác phản kháng, cãi lại cái mà người đó muốn. Nó làm bại hoại lương chi của những người ưu tú mà tôn sùng sự phỉnh nịnh, ghen ghét với những người cao quý. Do đó ông kịch liệt phê phán nền quân chủ.

Quý tộc trị: là thể chế được thiết lập khi tuyển chọn được một hội đồng có chủ quyền tối thượng để cầm quyền nhà nước, bao hàm những người ưu tú nhất của đất nước. Có sự bàn bạc, cọ sát của hội đồng các nhà thông thái, tinh hoa về trí tuệ và phẩm chất, vừa tránh được độc tài quân chủ vừa tránh được đám đông không hiểu biết tham gia nắm chính quyền. Nhưng cuối cùng lại có sự tranh giành, tàn sát lẫn nhau, mưu toan quyền lực và lợi ích cá nhân, chia bè phái và chế độ một ông vua lại tái phát.

Dân chủ trị: Thể chế được thiết lập do số đông nhân dân nắm quyền lực. Đó là con đường chống độc tài, qua bỏ thăm để trao những chức vụ công cộng một cách đúng đắn và ngăn cản được sự lợi dụng quyền lực. Quản lý xã hội trên nguyên tắc “tất cả đều bình đẳng trước pháp luật và tự do phát biểu đề xuất”. Nhưng dân chúng thường không hiểu biết thì dễ bầu ra sự không hiểu biết dân chúng không hiểu biết, dễ lung lay kích động bởi các nhà cầm quyền, xã hội lại dễ rơi vào trạng thái bè phái vô chính phủ từ đó chế độ một vua lại tái phát.

Ông đã chỉ ra những loại hình thể chế khác nhau, làm cơ sở cho chính trị

học và đi tìm một loại thể chế chính trị tốt hơn khắc phục những nhược điểm của các loại thể chế chính trị đó.

Xê nô phôn (427 – 355 TCN)

Điều chủ yếu trong tư tưởng chính trị của Xê nô phôn là quan niệm về thủ lĩnh chính trị. Ông cho rằng, việc làm chủ nghệ thuật chính trị là trình độ cao hơn mà con người có thể đạt tới. Theo ông ai là người nhận thức được các vấn đề chính trị sẽ trở thành người trung thực, người tốt. Ai ngu dốt về điều đó sẽ trở thành hàng nô lệ.

Theo ông thủ lĩnh chính trị phải là người biết chỉ huy, đó không phải là một người được quần chúng bầu ra, cũng không phải là những người được chỉ định bằng bỏ thăm, cũng không phải là người chiếm đoạt quyền lực bằng bạo lực, các thủ lĩnh là những người biết chỉ huy. Do đó, là thủ lĩnh, địa vị của họ thế nào nhưng phải là người có sự cao hơn. Tóm lại người ta bằng lòng nghe theo những người mà người ta đánh giá là cao hơn

Người thủ lĩnh được người ta chấp nhận mình, giống như người cầm lái trên con tàu đang gặp nguy khốn, như người thầy thuốc đang ở đầu giường.

Thủ lĩnh phải là người giỏi thuyết phục, hùng biện, nói phải đi đôi với làm. Mặt khác sự thuyết phục của thủ lĩnh ở đây phải dựa trên những căn cứ thực tế như tình cảm, lợi ích và tình yêu sự vinh quang chung. Đồng thời phải là người thực hiện chỉ huy vì lợi ích chung.

Người thủ lĩnh được chỉ định không phải để chăm lo cho cá nhân người đó mà để phục vụ những người mà anh ta chỉ huy, vì rằng những người này đã chọn anh ta, do những phẩm chất của anh ta, để bảo vệ cái lợi ích của họ. Người thủ lĩnh phải luôn rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

Platon (428 – 347 TCN)

Ông cho rằng, chính trị xuất hiện trước hết như một sự hiểu biết duy lý dành cho việc giáo dục chung con người. Sau đó nó trở thành nghệ thuật dẫn dắt xã hội con người. Người ta có thể dẫn dắt con người bằng sự bắt buộc và bạo lực, nhưng người ta cũng có thể dẫn dắt con người bằng sự ưng thuận của ý chí tự do của họ.

- Nghệ thuật cai trị bằng sức mạnh sẽ mang đến một chế độ độc tài
- Nghệ thuật cai trị bằng thuyết phục con người gọi là chính trị
- “Chính trị là nghệ thuật cai trị những con người với sự bằng lòng của họ”
- Theo ông chính trị phải là chuyên chế, tất cả phải phục tùng quyền uy,

không một bộ phận nào để cho tự do thuần túy.

Platon chia xã hội thành ba hạng người khác nhau:

Ở địa vị cao nhất là các nhà triết học, những người này có vai trò quan trọng trong việc cai trị đất nước, họ nắm quyền bính trong tay và đảm nhận vai trò lãnh đạo.

Ở địa vị thấp hơn là những người lính làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh.

Những người thuộc tầng lớp nông dân, thợ thủ công. Họ có nhiệm vụ làm ra của cải vật chất, đảm bảo cuộc sống cho nhà nước.

Theo Platon nhà nước xuất hiện từ sự đa dạng hóa các nhu cầu con người và từ đó xuất hiện các dạng phân công lao động để thỏa mãn các nhu cầu ấy. Vì vậy, trong xã hội phải duy trì các hạng người khác nhau. Do đó không thể có sự hoàn toàn bình đẳng giữa mọi người.

Sở hữu tư nhân là nguồn gốc sinh ra điều ác, nó phá hoại chính thể và thống nhất của nhà nước. Vì vậy nó phải được loại trừ ra khỏi xã hội. Theo ông cho dù nhà nước nào cũng tồn tại hai nhà nước thù địch lẫn nhau: một là nhà nước của những người giàu có, còn nhà nước kia là của những người nghèo khó. Vì vậy, cần phải có sự thống nhất về sở hữu.

Tóm lại quan điểm chính trị của Platon có nhiều hạn chế, một mặt ông muốn xóa bỏ sở hữu tư nhân, thiết lập sở hữu cộng đồng. Mặt khác ông thấy cần phải duy trì sự khác nhau giữa các đẳng cấp và bất bình đẳng trong xã hội.

Aristotele (384 - 322 tr.CN)

Ông được coi là nhà "bách khoa toàn thư" của trí tuệ Hylạp cổ đại. Với tác phẩm *Chính trị* và *Hiến pháp Aten*.

Trong cuốn Hiến pháp Aten: Ông đã khảo cứu 158 các nhà nước thành bang Hi Lạp đương thời, trong đó tập hợp, phân loại, nghiên cứu các loại hiến pháp và chính phủ. Phân loại các cơ quan Nhà nước thành: lập pháp, hành pháp và phân xử.

Trong cuốn Chính trị: Ông nghiên cứu các mặt cấu thành các thành bang: các gia đình và công dân, lãnh thổ và dân cư, chính phủ, hình thức chính quyền, chế độ chính trị....Chính trị là khoa học lãnh đạo con người, là khoa học làm chủ, là khoa học kiến trúc xã hội của mọi công dân.

Những quan điểm cơ bản của ông về chính trị thể hiện như sau:

Về Nhà nước và con người: Ông quan niệm con người là động vật chính trị: Từ chỗ luận giải về thế giới tự nhiên, hai cá thể muốn tồn tại và phát triển được chúng cần kết hợp với nhau để duy trì nòi giống. Về điểm này con người và các động vật khác kể cả thực vật là giống nhau. Đối với con người, đó là hình thức

kết hợp gia đình. Tuy nhiên, con người không chỉ dừng lại ở đó, với nhu cầu ngày một cao hơn, họ kết hợp với nhau thành thôn trang, và thôn trang lại liên hợp lại thành thành bang. Khi đó, xã hội phát triển đến một mức độ cao, ở đó con người sống tự cấp, tự túc và tuân theo những chuẩn mực được đặt ra phù hợp với cuộc sống cộng đồng. Ông kết luận Thành bang là sản phẩm của tự nhiên, là cái đích phát triển của xã hội loài người: "*Từ đây có thể hiểu thành bang sinh ra từ bước tiến triển của tự nhiên, và con người cũng tự nhiên là động vật hướng mình vào đời sống thành bang*"([1]). Với kết luận nêu trên, Aristotle cho rằng, Nhà nước là hình thức giao tiếp cao nhất của con người.

Nhà nước trong quan hệ với dân cư, được Aristotle tuyệt đối hoá khi ông đứng trên lập trường của giai cấp chủ nô, khinh miệt những người nô lệ. Theo ông, dân cư đều là một phần của Nhà nước, nhưng không phải mọi dân cư đều là thành viên của Nhà nước, ví dụ, nô lệ. Ông nhấn mạnh, sự tồn tại giữa chủ nô và nô lệ là khách quan.

Về quyền lực chính trị: Ông cho rằng, quyền lực chính trị ra đời tự nhiên cùng với thành bang, và là sự chuyển tiếp quyền lực trong gia đình. Có thể phân chia quyền lực thành các quyền lập pháp, hành pháp và phân xử.

Về hình thức Chính phủ: Ông phân tích các hình thức chính phủ: Quân chủ, quý tộc, dân chủ. Theo ông, không có một loại hình chính phủ nào là duy nhất có thể phù hợp với tất cả các thời đại và các nước. Ông xếp chính phủ theo 2 loại: 1- Chính phủ chân chính, 2- Chính phủ biến chất. Tuy vậy, ông ủng hộ chế độ quân chủ là hơn cả.

2.2.2. Tư tưởng chính trị phương Tây thời trung cổ

a) Đặc điểm lịch sử chính trị - xã hội

Đặc trưng đời sống xã hội Tây Âu thời kỳ này là sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và sự ra đời chế độ phong kiến. Lúc này người nông dân bị bóc lột hết sức nặng nề và trở thành những người hoàn toàn lệ thuộc. Họ bị trói buộc vào ruộng đất của địa chủ, lao động nô lệ thay bằng lao động của nông nô và thợ thủ công. Trong giai đoạn này không những đã diễn ra sự suy đồi về kinh tế mà về toàn bộ đời sống xã hội.

Về mặt tinh thần, thời kỳ trung cổ ở Tây Âu là cũng là thời kỳ thống trị của tôn giáo và nhà thờ. Những thế kỷ đầu của thời kỳ trung cổ là một bước thụt lùi

so với thời kỳ cổ đại.

Xã hội tây âu thời kỳ trung cổ có sự phân chia giữa hai trật tự của đời sống và sự phân chia giữa hai quyền lực. Quyền lực chính trị có lĩnh vực của nó là cái hữu hạn (hay cái thế tục). Quyền lực tôn giáo ngược lại, thực hành trên lĩnh vực vô hạn. Tồn tại hai thiết chế khác biệt là chính trị và giáo hội (hay nhà nước và nhà thờ).

b) Các nhà chính trị tiêu biểu

St. Ôguytxtanh (357 - 430) (còn gọi là thánh Ôguytxtanh), ông sinh ra ở Bắc phi nay thuộc Angiêri. Ông là một giáo chủ, đương thời ông được coi là trụ cột, là sự khẳng định chân lý của đạo Cơ đốc.

Những tư tưởng chính trị của ông được thể hiện trong tác phẩm “về thành đô của thượng đế”. Ông chia xã hội loài người thành hai thành đô hai vương quốc: vương quốc điều ác là nhà nước trần thế và vương quốc của thượng đế trên trái đất là nhà thờ. Theo ông nhà nước cần phải phụ thuộc vào nhà thờ. Nhà thờ phải là một trường học về tư cách công dân và tình hữu ái, ở ông quyền lực của nhà thờ cao hơn nhà nước. Nhà thờ thống trị về tinh thần còn nhà nước thì thống trị về vật chất. Những giá trị tinh thần, phẩm hạnh và đạo đức được ông đặt lên hàng đầu.

Con người sinh ra đều như nhau, đều bình đẳng trước chúa nên không có phân biệt sang hèn, giàu nghèo. Chính trị phải được thực hiện như sự công bằng ngự trị, phải để cho công bằng chi phối không để cái khác chi phối.

Do đó, người cầm quyền trước hết phải biết chỉ huy mình trước khi chỉ huy người khác.

Theo ông người chỉ huy phải có trí tuệ, có nhân cách

- + Phải biết trước và ngăn chặn những thói hư tật xấu
- + Quyền lực chỉ huy phải được thực hiện như quyền lực phục vụ
- + Cầm quyền không chỉ là một vinh dự mà còn là một gánh nặng
- + Cầm quyền phải biết phân biệt những lợi ích thực sự của quốc gia.

[1] Dẫn theo Lê Hồng Lôi(Lê Quốc Khánh, Trần Thị Thuý Ngọc dịch). *Đạo của Quản lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004, tr27

Quan niệm về bản chất của quyền uy trong xã hội: ông đưa ra hai phẩm chất quan trọng của quyền lực.

+ Quyền lực là sở hữu chung của cả cộng đồng “quyền lực là sở hữu cá nhân thì là một sai lầm cơ bản”.

+ Sứ mệnh của quyền lực là làm cho sự công bằng ngự trị, không có công bằng, quyền lực trở nên sai lệch.

Tômát Đacanh (1225 - 1274)

Ông sinh ra ở Italia, là nhà thần học đạo Thiên chúa. Học thuyết của ông được nhà thờ đạo thiên chúa coi là duy nhất đúng đắn và lấy làm hệ tư tưởng của mình.

Ông cho rằng con người là động vật chính trị để phát triển và hoàn thiện, đời sống của họ đòi hỏi an ninh, trật tự, pháp lý.

- Theo ông nguồn gốc của quyền lực là thượng đế
- Thể chế chính trị hợp lý nhất là thể chế chính trị hỗn loạn. Chính phủ trong đó kết hợp nền quân chủ, chế độ quý tộc và chính phủ nhân dân. Mặt khác ông vẫn đề cao và ủng hộ cho chế độ quân chủ.

2.2.3. Tư tưởng chính trị phương Tây cận đại

a) Đặc điểm lịch sử xã hội – chính trị

Bắt đầu từ thế kỷ XV, ở Tây Âu chế độ phong kiến với nền sản xuất nhỏ và các đạo luật hà khắc bước vào thời kỳ tan rã. Sự xuất hiện các công trường thủ công ở Anh, Pháp, Italia... đã thay thế cho nền kinh tế kém phát triển. Công cụ lao động được phát triển đã đẩy mạnh quá trình sản xuất. Thị trường trao đổi hàng hóa giữa các nước được mở rộng. Các nước tư bản chủ nghĩa sớm phát triển như Anh, Pháp, Tây Ban Nha... thi nhau xâm chiếm thuộc địa, khai thác tài nguyên thiên nhiên ở các nước kém phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Những mầm mống của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trước hết là ở Italia, nước được coi là quốc gia tư bản sớm nhất Tây Âu, tiêu biểu cho nền văn minh nhân loại thời kỳ này. Tiếp đó là cuộc cách mạng tư sản Pháp đã đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến.

Vào thế kỷ XVI – XVII thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển mạnh, sự lớn mạnh của công nghiệp và thương mại. Song chế độ quân chủ với sở hữu ruộng đất của mình đã kìm hãm sự phát triển của sức sản xuất, dẫn ra sự mâu thuẫn gay gắt. Giai cấp tư sản đang trưởng thành và lớn mạnh ở các nước phát triển nhất không thể khoan nhượng với chế độ chuyên chế phong kiến.

Những tư tưởng chính trị mới đã xuất hiện muốn tách các vấn đề nhà nước và pháp quyền ra khỏi tôn giáo.

b) Các nhà tư tưởng chính trị tiêu biểu.

J.Lôccô (1632 - 1704)

Ông là một nhà triết học duy vật người Anh, là một nhà tư tưởng chính trị lớn. Tư tưởng chính trị của ông tập trung trong tác phẩm “quyền lực dân sự”.

- Pháp quyền tự nhiên: Đó là hành động từ ý chí cá nhân lên bằng trật tự nội tại sẵn có ở bản chất con người. Nó xuất hiện như là pháp quyền hợp pháp duy nhất, là cái có khả năng duy nhất, là cái có thể được thừa nhận duy nhất. Tư tưởng có ý nghĩa quyết định của ông là chuyển pháp quyền tự nhiên sang tự do cá nhân.

- Nguồn gốc và bản chất của quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước.

Theo ông quyền tự nhiên của con người là bất khả xâm phạm. Đó là quyền được sống, quyền tự do, quyền sở hữu. Sự vận động tự nhiên của xã hội dẫn đến tình trạng người dư thừa, kẻ thiếu đói, xã hội rơi vào tình cảnh mất an ninh, quyền tự nhiên của mỗi cá nhân bị xâm phạm. Để bảo vệ những quyền tự nhiên đó mà con người, mọi thành viên trong xã hội cùng ký kết hình thành chính quyền. Đó là cơ quan quyền lực chung mà chức năng gốc của nó là bảo vệ những quyền tự nhiên của mỗi con người.

Từ đó ông đưa ra kết luận:

+ Quyền lực nhà nước, về bản chất là quyền lực của dân, quyền lực của dân là cơ sở, nền tảng của quyền lực nhà nước. Nhà nước thực hiện sự ủy quyền của dân

+ Nhà nước xã hội chính trị - xã hội công dân, thực chất là một “khế ước xã hội”, trong đó công dân nhượng một phần quyền của mình để hình thành quyền lực chung – quyền lực nhà nước. Nhà nước với quyền lực chung đó điều hành, quản lý.... Xã hội nhằm bảo toàn những quyền tự nhiên của mỗi cá nhân công dân.

+ “Bảo toàn quyền tự nhiên của mỗi cá nhân công dân” đó là tiêu chí cơ bản xác định giới hạn và phạm vi hoạt động của nhà nước. Đi qua giới hạn này, chính quyền dễ trở thành chuyên chế.

- Phân quyền – “Tất yếu kỹ thuật” của những thể chế chính trị tự do.

Ông đã phác họa vạch ra những yêu cầu có tính chất “tất yếu kỹ thuật” cho việc thiết kế của thể chế chính trị sau khi lật đổ chuyên chế, coi tự do là giá trị chủ đạo.

S.L. Môngtexkiô (1689 - 1755)

Ông là một nhà tư tưởng chính trị vĩ đại người pháp. Tác phẩm chính “Tinh thần luật pháp”

- Học thuyết về nguồn gốc nhà nước

Ông cho rằng nhà nước xuất hiện ở một trình độ phát triển nhất định của xã hội loài người. Quy luật đầu tiên của con người là hòa bình, quy luật thứ 2 là mong muốn kiếm thức ăn cho mình, quy luật thứ 3 là nhu cầu hỗn hợp (con người giao tiếp với nhau), quy luật thứ 4 là con người là mong muốn sống trong xã hội (lập gia đình, giao tiếp, xã hội, nhà nước). Nhà nước chỉ xuất hiện một cách tất yếu khi trong xã hội xuất hiện tình trạng chiến tranh mà không thể chấm dứt bằng bạo lực. Nhà nước là sản phẩm của những mâu thuẫn không thể điều hòa được.

- Lý luận về chính phủ

Ông đưa hai khái niệm cơ bản là bản chất và nguyên tắc của nhà nước.

Bản chất là quan hệ giữa người cầm quyền và người bị quản lý. Bản chất quy định và thể hiện cơ cấu, từ đó sinh ra luật chính trị, luật tổ chức chính phủ, luật hiến pháp.

Nguyên tắc là cái làm cho chính phủ hoạt động

Từ bản chất và nguyên tắc đó ông đã nghiên cứu các hình thức nhà nước.

+ Nền cộng hòa dân chủ: quyền lực tối thượng là trong tay nhân dân, nguyên tắc của nó là đức hạnh chính trị, yêu tổ quốc đặt lợi ích công lên trên lợi ích riêng.

+ Nền cộng hòa quý tộc: quyền lực nằm trong tay một vài người, về nguyên tắc, tập trung ở đức tính ôn hòa.

+ Nền quân chủ chính thống: quyền lực nằm trong tay một người, nguyên tắc là danh dự

- Các thể chế chính trị tự do – học thuyết về sự phân quyền

Theo ông tự do chính trị của công dân đó là quyền mà người ta có thể làm mọi cái mà pháp luật cho phép. Như vậy, tự do chính trị chỉ có ở những quốc gia mà tất cả quan hệ đều được pháp luật công nhận.

Theo ông thể chế chính trị tự do phải là thể chế chính trị mà trong đó quyền lực tối cao được phân chia thành 3 quyền, lập pháp, hành pháp, tư pháp, sao cho 3 quyền này cân bằng và kiềm chế lẫn nhau.

J.Rutxô (1712 - 1778)

Là nhà tư tưởng vĩ đại pháp, có đóng góp to lớn vào học thuyết chính trị.

Tác phẩm chính của ông là “khế ước xã hội”.

- Tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản – chủ nghĩa tự do cấp tiến

Ông cho rằng sự vận động từ trạng thái tự nhiên sang xã hội có hai mốc quan trọng, đó là sự xuất hiện luyện kim và nông nghiệp, tạo sự xuất hiện chế độ

tư hữu, nảy sinh khoảng cách giàu nghèo và bất công xã hội. Con người có xu hướng liên kết với nhau để thoát khỏi sự diệt vong vật chất và từ đó xã hội công dân ra đời.

- Những giá trị trong học thuyết chủ quyền tối thượng của nhân dân: để vương lên đạt tới tự do, thủ tiêu chuyên chế, ông chủ chương nhượng quyền của mỗi cá nhân thành viên, để tập trung hình thành quyền lực chung tối cao – quyền lực tối thượng của nhân dân.

Quan niệm của Rutxo về các loại hình chính phủ.

+ Chính phủ dân chủ: là chính phủ lý tưởng, ở đây hành pháp gắn với lập pháp

+ Về chính phủ quân chủ: ông thừa nhận chính phủ quân chủ với điều kiện nền quân chủ phải được chấp nhận bởi toàn thể nhân dân, nghĩa là phải được dân bầu ra và cai trị bằng pháp luật.

+ Chính phủ quý tộc: ông tán thành dân chủ quý tộc tức là chính phủ chịu sự chi phối của những quyền lực nhân dân do một số ít người. Đảm bảo sự tuyển chọn, trước khi đưa ra quyết định.

2.3. Lược sử tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3.1. Tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác –Lênin.

a) Điều kiện kinh tế - xã hội

Những quan điểm chính trị macxit được C.Mác và P. Ăngghen nêu ra là kết quả của quá trình tư duy lý luận, kế thừa những tinh hoa của những nhà tư tưởng, các nhà chính trị lỗi lạc của nhân loại, kết hợp với quá trình tham gia vào thực tiễn đấu tranh cách mạng sôi động của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Với những điều kiện lịch sử cụ thể.

- CNTB đã chiến thắng chế độ phong kiến lỗi thời, chính quyền nhà nước đã thuộc về tay giai cấp tư sản.

- Giai cấp tư sản vẫn không xóa bỏ được những đối kháng của giai cấp, nó chỉ thay thế giai cấp này bằng giai cấp khác. Nhà nước TBCN cũng như nhà nước phong kiến, đều là bộ máy có tính giai cấp, phục vụ lợi ích cho giai cấp thống trị.

- Sự hình thành thị trường thế giới, sự phát triển của tự do cạnh tranh, các cuộc khủng hoảng kinh tế, sự tập trung tư bản ngày một tăng, tất cả có tác dụng

thúc đẩy đấu tranh giai cấp, đấu tranh chính trị giữa giai cấp vô sản và tư sản.

b) Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, sự phát triển của phong trào công nhân.

- Sự phát triển của sản xuất, sự tăng cường bóc lột đã nâng cao ý thức giai cấp và tính tổ chức của giai cấp công nhân. GCCN ngày càng tỏ ra là một lực lượng chính trị độc lập, tách khỏi sự thao túng của giai cấp tư sản.

- Các cuộc đấu tranh độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản ở các trung tâm công nghiệp của Anh, Pháp, Đức phát triển mạnh mẽ.

- Các cuộc khởi nghĩa nói trên đã chứng minh giai cấp công nhân thấy rằng sức mạnh của họ là sự đoàn kết, sự thống nhất.

- Sự phát triển của phong trào đã nảy sinh một nhu cầu tất yếu cần có một lý luận, một học thuyết, một hệ thống quan điểm chính trị chỉ ra cho giai cấp công nhân cần phải đấu tranh như thế nào, đấu tranh vì cái gì, mục đích trước mắt và mục tiêu lâu dài.

c) Những trào lưu tư tưởng chính trị và cuộc đấu tranh lý luận của các tác giả kinh điển Mác xít

- Vaitơlinh chỉ ra chế độ tư hữu là nguyên nhân của mọi tai họa của xã hội, cần xóa bỏ nó, xã hội sẽ ra đời bằng con đường cách mạng và do giai cấp công nhân tiến hành.

- Theo C. Mác, để thực hiện thành công một cuộc cách mạng không phải chỉ cần có nhiệt tình mà chủ yếu phải có sự biết biết khoa học.

- Mác cũng chỉ ra rằng không thể thực hiện ngay lập tức chủ nghĩa cộng sản mà phải tiến hành cuộc đấu tranh tuân theo đúng những quy luật khách quan của lịch sử.

- Những quan điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng, đó là những quan điểm phản ánh nguyện vọng của giai cấp vô sản còn chưa phát triển. Đúng như nhận xét của Mác và Ăngghen “Tương ứng với một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa thành thực, với những quan hệ giai cấp chưa thành thực thì có một lý luận chưa thành thực”. Và hai ông cũng chỉ ra một nguyên nhân của CNXH không tưởng đó là vì họ chưa có mối quan hệ chặt chẽ với giai cấp công nhân, với phong trào của giai cấp công nhân.

- + Muốn xóa bỏ bất bình đẳng nhưng chưa biết làm thế nào

- + Không hiểu được vai trò sứ mệnh của giai cấp công nhân.

- + Bảo vệ sự bình đẳng tuyệt đối trong phân phối, trong tiêu dùng, nêu cao tinh thần khổ hạnh

- Chủ nghĩa Pơrôđông: những người theo chủ nghĩa này phản đối cuộc bãi công của giai cấp công nhân từ biểu tình đến đấu tranh chính trị giành chính quyền từ giai cấp tư sản. Những quan điểm của ông biến một trật tự xã hội tư bản thành trật tự xã hội công bằng, sự cải cách quan hệ và bằng biện pháp đó có thể xóa bỏ được những mâu thuẫn của trật tự TBCN, tiến tới xây dựng một trật tự xã hội mới.

Phê phán những quan điểm của Pơrôđông về chính trị, Mác đã chứng minh rằng trong cuộc đấu tranh chống tư bản, giai cấp vô sản phải được tổ chức lại thành một giai cấp độc lập và phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

- Lênin là người đầu tiên đã từ lý luận khoa học Macxit tiến hành thành công cuộc cách mạng Tháng Mười Nga là xây dựng XHCN đầu tiên trên thế giới.

d) Những quan điểm chính trị chủ yếu

i) Con người điểm xuất phát và mục đích đấu tranh chính trị của Mác – Ăngghen – Lênin

Mác đã khoa học hóa tư tưởng nhân văn, vạch ra tính tất yếu của lịch sử và vận dụng tính tất yếu để giải phóng nhân loại.

Mác đã vạch ra tính tất yếu của vận động lịch sử, trước hết là tính tất yếu kinh tế, vận dụng tính tất yếu kinh tế trong đấu tranh xã hội, cuối cùng dẫn đến đấu tranh chính trị, chống lại sự thống trị của quan hệ tư bản.

Con người muốn sống phải sáng tạo lại hiện thực, những sản phẩm cần thiết để sống phải được tạo ra chứ không có trong tự nhiên dưới dạng trực tiếp sẵn có. Sống là sáng tạo và sáng tạo một cách thực tiễn – tức sản xuất mà sống. Điều đó phản ánh các quan hệ hiện thực và chiều sâu bản chất hoạt động sống của con người.

ii) Chính trị là chính trị của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

- Trong sản xuất, con người có những quan hệ với nhau, những quan hệ nhất định tất yếu không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất. Tất cả những hiện tượng chính trị - tư tưởng xét đến cùng, sẽ được quy định từ cơ sở này.

- Trình độ phát triển của LLSX, xét đến cùng sẽ quy định tất cả. Về cơ bản, cái gì phù hợp với trình độ phát triển của LLSX là cái tất thắng, tiến bộ và ngược lại.

- LLSX tác động chủ yếu phải qua QHSX và QHSX là cơ sở, là bộ xương để tạo nên kết cấu xã hội và quy định đời sống chính trị, tư tưởng.

iii) Cơ sở kinh tế nào thì quan hệ chính trị ấy

Thiết lập quyền lực nhà nước là bảo vệ một quan hệ kinh tế. Sinh mệnh của một chế độ chính trị phụ thuộc vào sự bảo vệ một quan hệ kinh tế có làm cho LLSX phát triển hay không? Nếu không thì chế độ chính trị đó trước sau cũng tan vỡ một cách tất yếu. Không ai có thể tiêu diệt một quan hệ kinh tế khi nó còn tạo điều kiện phát triển LLSX, cũng không ai có thể bảo vệ một quan hệ kinh tế khi nó đã là lực cản của sự phát triển LLSX.

- Phải xét chế độ chính trị - nhà nước thông qua quan hệ kinh tế và LLSX.

iv) Khi quan hệ kinh tế thống trị không còn phù hợp, cản trở sự phát triển của LLSX thì một thời kỳ cách mạng bắt đầu.

- CM XHCN là giải phóng LLSX khỏi những quan hệ kinh tế lỗi thời cản trở nó. Trước tiên là giành lấy chính quyền nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước tác động đến việc thay đổi, xây dựng những quan hệ kinh tế mới hướng vào giải phóng và phát triển LLSX.

- Một mặt quan trọng khác trong lý luận CM XHCN của CN Mác – Lênin là, giải phóng con người trong lực lượng sản xuất, đại diện cho LLSX đó và cũng có nghĩa là giải phóng cho số đông, cho nhân dân lao động.

v) Giai cấp công nhân và chuyên chính vô sản.

- Giai cấp công nhân cầm quyền vì lợi ích của toàn thể nhân dân lao động do đó, cũng vì lợi ích của tiến bộ nhân loại.

- GCCN bản thân là lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại đang phát triển. Nó tồn tại và phát triển qua sự tồn tại và phát triển của LLSX đó.

- GCCN tự nó, bằng nghề nghiệp thuần túy chỉ đi đến chủ nghĩa công liên, đòi tăng lương, giảm giờ làm. Muốn trở thành giai cấp cầm quyền thì phải xây dựng hệ tư tưởng bằng con đường khoa học, nhận thức và vận dụng được tính tất yếu xã hội với thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình.

vi) Giai cấp công nhân cầm quyền tất nhiên tạo ra hệ thống chính trị chuyên chính vô sản.

- Lần đầu tiên trong lịch sử, một giai cấp bị áp bức, giai cấp công nhân có thể và đã cầm quyền, tạo ra nhà nước của mình.

- GCCN không đại diện cho lợi ích riêng mà đại diện cho toàn thể nhân dân lao động.

- GCCN cầm quyền không phải tạo ra một quyền lực nhà nước cho riêng mình mà tạo ra một nhà nước của đa số, tức của nhân dân lao động .

- Chuyên chính vô sản là một hệ thống chính trị thực hiện quyền lực của số đông

- Nhà nước nào cũng là chuyên chính của một giai cấp. Nhà nước chuyên

chính vô sản thực hiện chức năng xã hội vì đa số, là sự thể hiện bản chất bên trong của mình và không bị giới hạn bởi lợi ích hạn hẹp nào cả.

- Chuyên chính vô sản để xóa bỏ quan hệ áp bức giai cấp, là hệ thống, là tổ chức dân chủ, của dân do dân và vì dân.

vii) Khi cầm quyền nhà nước, ĐCS phải lãnh đạo GCCN, nhân dân lao động đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu - xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tính chất máy móc hành chính quan liêu không dung hợp với CNXH. Vì vậy Lenin đặt vấn đề chống căn bệnh quan liêu từ thói quan liêu trong tác phong, trong phương pháp công tác hàng ngày đến chủ nghĩa quan liêu, chế độ quan liêu trong hệ thống tổ chức bộ máy. Cuộc đấu tranh này phải làm thường xuyên, kết hợp mọi biện pháp trong đó phải chú trọng xây dựng kỷ luật và tăng cường pháp luật, xử lý thật nghiêm khắc những nạn quan liêu gây hậu quả tiêu cực đối với xã hội.

Trong nền dân chủ XHCN tập trung và dân chủ không tách rời, chúng cần thiết tất yếu vì mục tiêu dân chủ. Tập trung không đối lập với dân chủ mà đối lập với tự do vô chính phủ, tản mạn, phân tán, cục bộ.

2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị

i) Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Đây là tư tưởng nổi bật và bao trùm nhất không chỉ trong lĩnh vực đường lối chính trị mà còn trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người, trong chỉnh thể tư tưởng – lý luận – phương pháp – phong cách Hồ Chí Minh.

+ Dân tộc đó thoát khỏi nô lệ bằng con đường cách mạng do chính dân tộc đó tiến hành.

+ Dân tộc đó phải có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quyền dân tộc tự quyết.

+ Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự chứ không phải giả hiệu với các giá trị thật sự như tự do, dân chủ, công bằng, bình đẳng.

+ Độc lập chính trị gắn liền với sự phồn thịnh mọi mặt” Kinh tế - Văn hoá – Xã hội.

+ Phải tự giành lấy con đường cách mạng tự lực, tự cường.

Gắn liền độc lập dân tộc với CNXH, đó là giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc trên lập trường của giai cấp công nhân. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH còn là sự lựa chọn con đường phát triển của cách

mạng VN.

- Trong thời đại ngày nay, độc lập dân tộc phải thực sự gắn liền với CNXH, trong đó độc lập là tiền đề để đi đến CNXH, còn CNXH bảo đảm chắc chắn nhất, thực chất nhất.

ii) Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Người đối lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng chủ nghĩa xã hội đối lập với tư tưởng chủ nghĩa cá nhân. Muốn xây dựng thành công CNXH thì phải chiến thắng chủ nghĩa cá nhân. Người đã phân biệt chủ nghĩa cá nhân và cá nhân, chống chủ nghĩa cá nhân không có nghĩa là phủ nhận cá nhân, trái lại những gì thuộc về lợi ích, nhu cầu hợp lý, chính đáng của con người trong tư cách cá nhân của nó, nếu không trái với lợi ích thì đều có khả năng phát triển và khuyến khích họ.

iii) Tư tưởng về đại đoàn kết

- Hồ Chí Minh coi sức mạnh là ở đoàn kết toàn dân, sự đồng lòng của xã hội.

- Đoàn kết trên lập trường của giai cấp công nhân, thực hiện trên mọi phương diện đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

- Đoàn kết phải dựa trên cơ sở có lý, có tình, có nghĩa.

- Đoàn kết lấy liên minh công – nông – trí thức làm nền tảng, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm điểm quy tụ để đảm bảo hài hoà giữa các lợi ích.

iv) Tư tưởng về xây dựng thể chế chính trị

- Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến tính chất của nhà nước. Phê phán cách mạng Pháp và Mỹ là cách mạng không đến nơi, ca ngợi cách mạng tháng 10 Nga: Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, dân chúng được hưởng tự do và bình đẳng thật sự. Từ đó, người lựa chọn kiểu nhà nước theo học thuyết Mác – Lênin nhưng không bệ nguyên xi, Người chủ động thành lập nhà nước CHDC.

- Hồ Chí Minh cho rằng chế độ dân chủ là phù hợp với nhà nước ta, dân chủ là dân làm chủ, giá trị thực chất của dân chủ là phải có cơm ăn, áo mặc, học hành... Đó là một nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

+ Của nhân dân: Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt nam.

+ Do nhân dân: Do tổng tuyển cử mà nhân dân bầu ra Quốc Hội; Nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước và quyền bãi miễn đại biểu Quốc Hội.

+ Vì nhân dân: Việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh. Quan tâm đến quyền lợi của nhân dân ngay cả những quyền lợi thiết thân hàng ngày. Cán bộ viên chức nhà nước không phải là những vị “quan cách mạng” mà là “đầy tớ” của nhân dân, phục vụ lợi ích chính đáng của dân.

- Đảng ta là đảng cầm quyền, Nhà nước do ĐCSVN lãnh đạo, mang tính chất dân chủ nhưng dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công – nông – trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; quản lý xã hội bằng hiến pháp và Pháp luật; thực hiện sự thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rõ ràng.

v) Lý luận về đảng cầm quyền

Phát triển sang tạo lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin về đảng chính trị nói chung, đảng của giai cấp công nhân nói riêng, Hồ Chí Minh luôn coi xây dựng Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, là nhân tố quyết định trước hết đến thắng lợi của cách mạng.

Hồ Chí Minh khẳng định: *“Trước hết phải có Đảng cách mạng, để trong thì vận động tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người khôn có trí khôn, thuyền không có bàn chỉ nam”*.

- Phải có Đảng cách mệnh có nghĩa là “Đảng của giai cấp vô sản”, “Đội tiên phong của vô sản giai cấp”, xây dựng trên những nguyên tắc về Đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác – Lênin, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng là kim chỉ nam cho tổ chức là hoạt động của Đảng.

- Ở Việt Nam, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là một. Chính vì vậy, Đảng lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc.

- Đảng cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt nam.

6. Về phương pháp cách mạng

- Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật mang tính cách mạng thực tiễn sâu sắc. Nó rất đa dạng phong phú, có những phương pháp thuộc từng lĩnh vực, từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng; có những phương pháp chung được vận dụng cho toàn bộ tiến trình cách mạng Việt nam. Có thể hiểu phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh theo hai nghĩa sau:

+ Theo nghĩa rộng: Đó là sự vận dụng của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong thực tiễn. Nói cách khác, đó là những quy luật hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Theo nghĩa hẹp, đó là cách thức tiến hành cách mạng với tính cách là hệ thống các nguyên tắc được thể hiện bằng những hình thức, biện pháp, bước đi thích hợp để thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng thành hiện thực.

Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là phương pháp cách mạng tiên tiến khoa học, thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin và phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt nam với một số phương pháp cơ bản sau:

+ Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, lấy cải tạo, biến đổi hiện thực Việt Nam làm mục tiêu cho hoạt động cách mạng.

+ Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tập hợp, huy động lực lượng toàn dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

+ Dĩ bất biến, ứng vạn biến.

+ Nắm vững thời cơ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa thời, thế, lực.

+ Biết thắng từng bước, biết phát động và biết kết thúc chiến tranh.

+ Kết hợp các phương pháp đấu tranh cách mạng một cách sáng tạo

CHƯƠNG 3. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

3.1. Quan niệm chung về quyền lực và quyền lực chính trị.

3.1.1. Quan niệm chung về quyền lực.

Quyền: là khả năng thực hiện hành vi thông qua sự thừa nhận của người khác.

Lực: là sức mạnh

Vậy, quyền lực là sức mạnh để thực hiện hành vi tác động đến người khác thông qua sự thừa nhận của họ.

Quyền lực là năng lực buộc người khác phải thực hiện ý chí của mình.

Quyền lực là một quan hệ xã hội đặc biệt, xuất hiện khi có sự chỉ huy - phục tùng của một người hay một nhóm người đối với một người hay một nhóm người khác. Nếu chỉ có chủ thể quyền lực mà không có đối tượng chịu sự tác động của quyền lực thì quyền lực đó là rỗng không.

Vậy những sức mạnh nào được coi là "lực" sử dụng để gây ảnh hưởng tới người khác:

Có rất nhiều yếu tố như: Địa vị, uy tín, sức mạnh cơ bắp, sức mạnh kinh tế, sức mạnh tôn giáo

Mối quan hệ giữa uy tín và quyền lực là: Uy tín là sự củng cố và hoàn thiện thêm vị thế của quyền lực của chủ thể.

Biểu hiện của quyền lực hết sức đa dạng:

Một mặt nó là yếu tố cần thiết cho xã hội, bất cứ xã hội nào cũng cần có quyền lực để duy trì trật tự, ổn định đồng thời thúc đẩy sự phát triển. Nhưng mặt khác quyền lực lại tạo ra khả năng phân chia giai cấp, đẳng cấp là cơ sở của ách áp bức, bóc lột, bất công.

Quyền lực cũng tồn tại đa dạng trong đời sống xã hội. Bất cứ một tổ chức xã hội nào cũng đều tồn tại quyền lực. Ví dụ trong các tổ chức chính trị, các doanh nghiệp, giáo hội,

Trong gia đình, có sự chuyển giao quyền lực từ chế độ mẫu hệ sang chế độ phụ hệ; bản chất của sự chuyển giao này đó là vị trí nắm giữ kinh tế trong gia

đình.

Trong vấn đề về giới cũng tồn tại quyền lực: Quyền lực của phái đẹp, nhiều khi trở thành ma lực. Lịch sử loài người đã chứng kiến bao nhiêu những mỹ nhân, vì sắc đẹp, vì lời nói có thể làm cho "ngiên nước, nghiêng thành", cũng có khi gây ra những cuộc tranh hùng mãnh liệt, cũng có khi mang về cho quốc gia, xã tắc những lợi ích vô giá.

3.1.2. Quyền lực chính trị

Quyền lực chính trị là bước phát triển cao của quyền lực xã hội. Nếu như trong xã hội, quyền lực xã hội biểu hiện rất đa dạng, phong phú như quyền lực gia đình, quyền lực kinh tế, quyền lực tôn giáo, thì quyền lực chính trị chiếm vai trò trung tâm.

Vấn đề quyền lực chính trị đã được các học giả xưa nay nghiên cứu.:

Thời cổ đại Aristos là người đầu tiên đề xuất tư tưởng tam quyền phân lập với việc chia quyền lực chính trị thành các quyền lập pháp, hành pháp và xét xử.

Thời trung cổ, Ôguytxanh đã luận giải về nguồn gốc và bản chất của quyền lực chính trị, trong đó ông khẳng định "Quyền lực là sở hữu chung của cả cộng đồng xã hội".

Ngược lại với quan điểm của Ôguytxanh, Tô mát ĐaCanh - nhà Thần học Kitô giáo cho rằng "quyền lực tối cao thuộc về thượng đế".

Thời kỳ cận đại, nổi lên với rất nhiều tư tưởng tiến bộ, các nhà tư tưởng như LốcCơ, Môngtétxkiơ, Rutxô đều bàn đến khía cạnh nguồn gốc, bản chất của quyền lực chính trị.

Ở Phương Đông, quyền lực chính trị được các nhà triết học Trung Quốc như Khổng tử, Mặc tử, Hàn Phi Tử...tuyệt đối hoá và xem là sức mạnh tối cao của vua – với tư cách là “thiên mệnh”- tức nhận quyền lực từ trời. Tuy vậy, ở mỗi học giả lại có cách thức đề xuất việc sử dụng quyền lực đó khác nhau. Khổng tử, đề xuất việc sử dụng quyền lực theo thuyết Chính danh. Mặc tử đề nghị sử dụng quyền lực chính trị trên tinh thần tương thân, hữu ái. Hàn Phi tử đề xướng con đường cụ thể hoá quyền lực thành pháp trị.

C.Mác và Ph.Ăngghen trong quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để xây dựng học thuyết đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân đã chỉ rõ bản chất của quyền lực chính trị nói chung, quyền lực chính trị của giai cấp công nhân nói riêng và con đường biện pháp để giai cấp công nhân xác lập quyền lực chính trị của mình. Những tư tưởng này được C.Mác và Ph.Ăngghen phản ánh

một cách rõ ràng, khúc chiết trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng cộng sản. Theo các ông *“quyền lực chính trị theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác”*. Mà mục đích cuối cùng của sự trấn áp ở đây là để giành và giữ địa vị thống trị về kinh tế.

Điểm lại, ta có thể thấy, quyền lực chính trị có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, là quyền lực xã hội nhằm để giải quyết lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia, nhân loại;

Thứ hai, là khả năng áp đặt và thực thi các giải pháp phân bổ giá trị có lợi cho một giai cấp;

Thứ ba, là sức mạnh bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp giai cấp khác”.

Từ đó, ta có thể định nghĩa ***“Quyền lực chính trị là quyền sử dụng sức mạnh của một hay liên minh giai cấp, tập đoàn xã hội để đạt mục đích thống trị xã hội, thoả mãn lợi ích giai cấp mình”***

3.2. Quá trình hình thành và phát triển của quyền lực chính trị.

Quá trình hình thành và phát triển của quyền lực chính trị gắn liền với sự ra đời và phát triển của giai cấp và Nhà nước.

Trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có sự phân chia giai cấp và chưa xuất hiện nhà nước, quyền lực chính trị chưa xuất hiện. Buổi đầu, quyền lực - tồn tại trong các thị tộc, bộ lạc là thứ quyền lực xã hội. Quyền lực này nằm trong tay một số ít những tộc trưởng, những người đứng đầu bộ lạc hoặc liên minh các bộ lạc, là thứ “quyền lực dựa trên uy tín cá nhân và sự suy tôn có tính tự nhiên của các thành viên thị tộc, bộ lạc”([1])

Chỉ đến khi nền sản xuất xã hội phát triển tạo ra của cải dư thừa, lúc đó mới xuất hiện sự tư hữu của cải xã hội của một nhóm người. Sở hữu tư nhân xuất hiện một mặt đẩy xã hội tới trạng thái phân hoá - người có tư liệu sản xuất, người không có tư liệu sản xuất, mặt khác làm xuất hiện giai cấp trong xã hội. Giai cấp nắm giữ địa vị kinh tế điều hành xã hội bằng cách ban hành các quy phạm pháp luật, đồng thời họ lập ra một bộ máy cưỡng chế để thực thi pháp luật. Đến đây, quyền lực chính trị xuất hiện với hình thức là sức mạnh cưỡng chế của một giai cấp đối với các giai cấp khác và toàn xã hội.

Như vậy, quyền lực chính trị xuất hiện dựa trên hai nguyên nhân và điều kiện sau:

Thứ nhất, sự xuất hiện chế độ tư hữu về tài sản

Thứ hai, sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng không thể điều hoà được, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt.

Viết về điều này, Ăngghen khẳng định: "Quyền lực chính trị không phải là quyền lực từ bên ngoài áp đặt vào xã hội, mà là một lực lượng nảy sinh từ xã hội, một lực lượng tựa hồ như đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt những xung đột và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng trật tự"([2])

Chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời chấm dứt sự tồn tại của xã hội Cộng sản nguyên thủy. Quyền lực chính trị được nắm giữ trong tay ai cấp chủ nô. Do những điều kiện khác nhau của lịch sử và đặc thù các cộng đồng, lãnh thổ khác nhau, quyền lực chính trị đã hình thành gắn liền với các phương thức hình thành Nhà nước sau:

- *Phương thức Aten*: Là phương thức hình thành nhà nước thuần túy, cổ điển nhất, hoàn toàn do sự đối kháng giai cấp đến mức gay gắt trong lòng xã hội- nô lệ và chủ nô.

- *Phương thức Rôma cổ đại*: Với sự ra đời của nhà nước Rôma là kết quả của cuộc đấu tranh thắng lợi giữa những người bình dân sống ngoài thị tộc Rôma chống lại giới quý tộc cả các thị tộc Rôma

- *Phương thức Giéc - manh*: Nhà nước Đức cổ đại phát sinh từ cuộc đấu tranh chinh phục các miền đất rộng lớn của các xứ khác.

- *Phương thức phương Đông cổ đại*: Đây là phương thức đặc thù hình thành các Nhà nước phương Đông cổ đại. Nhà nước không phải ra đời từ sự đấu tranh gay gắt giữa các giai cấp đối kháng mà trước hết xuất phát từ nhu cầu thực tế của xã hội, cần phải có một trung tâm đủ sức mạnh tổ chức, tập hợp sức của muôn người, đoàn kết để chống chọi với thiên nhiên, phát triển nền sản xuất nông nghiệp như các công việc đắp đập, đào kênh dẫn nước tưới tiêu, chống lụt....là những công việc vốn vượt ra khỏi tầm kiểm soát của các tổ chức thị tộc, bộ lạc([3]).

Tuy nhiên, dù ở phương thức nào, dần dần quyền lực chính trị cũng trở nên tập trung trong tay giai cấp thống trị- biến thành công cụ bạo lực để trấn áp giai cấp khác.

Dưới chế độ Phong kiến: Quyền lực chính trị tập trung trong tay của giai cấp địa chủ, quý tộc, phong kiến. Chế độ quân chủ chuyên chế được thành lập với việc quyền lực tập trung trong tay một vị Vua- nhân danh trời (Thiên tử). Ở các nước phương Tây "tính tập quyền, chuyên chế không mạnh như ở các nước phương Đông"([4]). Lúc này quyền lực chính trị trở thành sức mạnh đàn áp giai

cấp nông dân, tiểu thủ công nghiệp và thương nhân.

Khi chế độ tư sản thay thế chế độ phong kiến vào thế kỷ XVI- XVII, có một bước đột phá trong quan niệm về quyền lực chính trị. "Lúc này quyền lực nhà nước được thiết lập trên nguyên tắc xuất phát từ nhân dân"([5]). Chế độ quân chủ nhiều nước bị bãi bỏ. Ở một số nước vẫn duy trì chế độ quân chủ nhưng quyền lực chính trị bị suy giảm. Sở dĩ có điều này một mặt do các cuộc cách mạng tư sản hoặc cải cách dân chủ không triệt để, mặt khác nhiều quốc gia không muốn đất nước xảy ra những biến đổi xã hội to lớn, đoàn kết quốc gia, ổn định xã hội để phát triển kinh tế.

Chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời trên nền tảng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin, quyền lực chính trị đã phát triển lên một bước cao. Quyền lực lúc này thực sự xuất phát từ nhân dân, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã cho phép quyền lực chính trị thực sự xuất phát từ nhân dân- trong đó đặt trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân- giai cấp nông dân và nhân dân lao động.

Ngày nay, Quyền lực chính trị không chỉ là Quyền lực Nhà nước mà còn là quyền lực của các lực lượng chính trị khác trong Hệ thống chính trị.

3.3. Tổ chức và cơ chế thực thi quyền lực chính trị.

3.3.1. Tổ chức thực thi quyền lực chính trị.

Quyền lực chính trị là sức mạnh của một giai cấp. Tuy nhiên để hiện thực hoá quyền lực đó thành sức mạnh cưỡng chế đối với giai cấp và tầng lớp khác, đòi hỏi giai cấp thống trị phải tổ chức ra các thiết chế sử dụng sức mạnh đó.

Trước hết, giai cấp tổ chức ra đội tiên phong của nó là một Đảng chính trị. Đảng chính trị được kết cấu một cách chặt chẽ thông qua một bản điều lệ Đảng. Đảng chính trị được chuyển hoá thành đảng cầm quyền khi nó ban hành các Cương lĩnh, chỉ thị, nghị quyết để lãnh đạo các mặt của đời sống xã hội.

Tiếp đến, thông qua những chỉ thị, nghị quyết của Đảng cầm quyền, giai cấp thống trị tiếp tục tổ chức ra bộ máy cưỡng chế là Nhà nước. Thông qua Hiến pháp- Nhà nước quy định cơ chế tổ chức và phân chia quyền lực thống trị. Tùy vào chế độ chính trị, quyền lực đó sẽ được phân chia thành các nhánh quyền lực khác nhau. Phần cơ chế thực thi quyền lực chính trị sẽ nói rõ điều này.

Sau cùng, giai cấp thống trị không thể "đơn thương độc mã" lãnh đạo xã hội, nó

cần và phải tập hợp được các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, lập thành Mặt trận đoàn kết toàn dân tộc. Song song với sự tập hợp đó, giai cấp thống trị chia sớt quyền lực chính trị của mình cho những giai tầng xã hội đó. Tuy nhiên, không phải tất cả các giai cấp, tầng lớp khác đều được tham gia vào đời sống chính trị. Những bè phái phản cách mạng và những tầng lớp, giai cấp có quy mô không lớn thì không được tham dự vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Các giai cấp tầng lớp này, đến lượt mình cũng thành lập các tổ chức đại diện - hợp thành các tổ chức quần chúng.

3.3.2. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị

Về cơ chế thực thi quyền lực chính trị. Tương ứng với mỗi thiết chế được tổ chức để thực thi quyền lực chính trị, có các cơ chế thực thi quyền lực chính trị không giống nhau.

Đối với các Đảng chính trị: Tùy thuộc vào chế độ chính trị, các Đảng chính trị có cơ chế thực thi quyền lực khác nhau. Đối với các nước tư bản chủ nghĩa theo chế độ đa nguyên đa đảng, các đảng chính trị thay nhau lên nắm quyền thông qua cơ chế vận động tranh cử và căn cứ vào số lá phiếu của công dân. Tuy núp dưới chiêu bài dân chủ với chế độ đa Đảng, nhưng thực chất các Đảng phái của các nước Tư bản chủ nghĩa vẫn là Đảng của giai cấp tư sản và bị chi phối bởi các tập đoàn tư bản lớn, đa và xuyên quốc gia. Đối với các nước Xã hội chủ nghĩa, duy nhất chỉ có Đảng Cộng sản nắm quyền lực tuyệt đối. Sở dĩ như vậy, bởi vì ở các nước này Đảng Cộng sản là lực lượng tiên phong của giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất là giai cấp công nhân, đã dành được chính quyền từ tay giai cấp tư sản và đế quốc bằng xương máu của dân tộc, của đồng bào và

[1] TS. Trần Thái Dương: *Hỏi đáp những tri thức cơ bản môn lý luận nhà nước và pháp luật*. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2004, tr27.

[2] C. Mác- Ph. Ăngghen toàn tập, Tập 6, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984, tr266.

[3] Theo TS. Trần Thái Dương: *Hỏi đáp những tri thức cơ bản môn lý luận nhà nước và pháp luật*. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2004, tr30.

[4] PGS. TS Thái Vĩnh Thắng- PGS. TS Nguyễn Đăng Dung - Nguyễn Chu Dương. *Thế chế chính trị các nước châu Âu*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2008, tr25.

[5] Khái niệm "nhân dân" trong các chế độ tư sản thời kỳ đó bao gồm những người da trắng, những người có sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, không bao gồm phụ nữ, những người da đen và những người vô sản.

của giai cấp. Và là một đảng duy nhất đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và cả dân tộc.

Đối với Bộ máy cưỡng chế là Nhà nước: Bộ máy nhà nước có cơ chế thực thi quyền lực tương ứng với các Bộ phận cấu thành Nhà nước: Theo chế độ 'tam quyền phân lập', quyền lực chính trị được phân chia thành các quyền: lập pháp thuộc nghị viện, hành pháp thuộc Chính phủ và tư pháp thuộc Cơ quan xét xử. Ở chế độ tam quyền phân lập, các cơ quan hoạt động *độc lập - đối trọng - kiểm chế* và *kiểm soát* lẫn nhau. Dưới chế độ Xã hội chủ nghĩa, quyền lực Nhà nước xuất phát từ nhân dân và là một khối thống nhất, nhưng có sự phân công phân nhiệm giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền lực.

Đối với các Tổ chức đoàn thể quần chúng: Các tổ chức đoàn thể quần chúng là đại diện cho các lực lượng xã hội khác nhau, cũng là những thiết chế thực thi quyền lực chính trị trong phạm vi nhất định theo sự thoả thuận giữa các tổ chức chính trị- xã hội với giai cấp thống trị. Các tổ chức này thường có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi cho lực lượng của mình đại diện và thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác.

Tóm lại cơ chế thực thi quyền lực chính trị được thiết lập tùy thuộc vào các thiết chế thực thi quyền lực đó như thế nào, phụ thuộc vào một chế độ xã hội nhất định.

3.4. Giành, giữ và chuyển giao quyền lực chính trị.

Thực tiễn lịch sử nhân loại đã cho thấy những dấu ấn sinh động của công cuộc giành, giữ và chuyển giao quyền lực chính trị.

Chúng ta đều biết, việc **giành quyền lực chính trị** là công cuộc của một giai cấp, một lực lượng xã hội nhằm lật đổ giai cấp, lực lượng khác khỏi vị trí thống trị xã hội vốn có của nó. Đó là một quá trình lịch sử tất yếu, một bước phát triển của xã hội loài người.

Nhìn lại trong lịch sử, việc thay đổi các hình thái kinh tế xã hội xét về mặt bản chất là việc thay thế các phương thức sản xuất với sự lạc hậu của quan hệ sản xuất cũ, không tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Bề nổi của sự thay đổi nêu trên là sự thay đổi giai cấp, tầng lớp thống trị xã hội.

Xã hội cộng sản nguyên thủy tan rã với việc giành quyền lực chính trị về tay giai cấp chủ nô. Sự tan rã của chế độ nô lệ là kết quả của công cuộc đấu tranh giành quyền lực chính trị của tầng lớp địa chủ mới. Chủ nghĩa tư bản ra đời chấm dứt

sự tồn tại của chế độ phong kiến với các cuộc cách mạng tư sản và dân chủ tư sản.

Viết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong việc giành chính quyền từ tay giai cấp tư sản. Mác và Ăng ghen khẳng định "giai cấp công nhân, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải đoàn kết thành giai cấp để thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và "với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt chế độ sản xuất cũ, đồng thời với việc tiêu diệt chế độ sản xuất ấy nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt cả giai cấp nói chung và cũng do đấy tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình"([1]).

Việc giai cấp này giành quyền lực chính trị từ tay giai cấp khác là một quá trình phát triển tất yếu của lịch sử, không phải là ý chí chủ quan của một giai cấp- mà phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Việc **giữ quyền lực chính trị** được giai cấp thống trị thực hiện thông qua việc tổ chức ra đội tiên phong của nó (Đảng cầm quyền) và Bộ máy cưỡng chế (Nhà nước) với những chức năng đặc biệt nhằm trấn áp các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Các lực lượng khác có nghĩa vụ phải tuân theo những khuôn khổ do giai cấp thống trị đặt ra(pháp luật). Mọi hành vi chống đối, xâm phạm Nhà nước, Đảng phái, pháp luật đều được xem là hành vi xâm phạm quyền lực chính trị của giai cấp thống trị. Đặc biệt, trong bộ máy cưỡng chế là Nhà nước- một hệ thống đặc biệt có chức năng kiểm soát - xét xử(còn gọi là tư pháp)

Hoạt động chuyển giao quyền lực chính trị được thực hiện trong nội bộ giai cấp nắm quyền. Có những hình thức chuyển giao quyền lực chính trị sau đây:

- Chuyển giao theo hình thức thế tập - cha truyền con nối của chế độ quân chủ
 - Chuyển giao theo nhiệm kỳ trong các cơ quan Nhà nước theo dưới hình thức bầu, cử, chỉ định...
 - Chuyển giao giữa các Đảng phái theo hình thức vận động, tranh cử và bầu cử.
- Nhưng dù được chuyển giao dưới hình thức nào, thì bản chất quyền lực vẫn nằm trong tay giai cấp thống trị xã hội.

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

4.1. Khái niệm hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị không chỉ là một phạm trù cơ bản của khoa học chính trị, mà trong thực tế nó còn là một thực thể vô cùng quan trọng đối với đời sống chính trị.

Bàn đến khái niệm Hệ thống chính trị, có rất nhiều quan niệm:

Hệ thống chính trị là tổng thể những tổ chức thực hiện quyền lực chính trị được xã hội chính thức thừa nhận. (Từ điển bách khoa Việt Nam)

Với khái niệm này, nhấn mạnh đến chức năng của hệ thống chính trị - là việc thực thi quyền lực chính trị, Tuy nhiên, khái niệm không lột tả hết nội hàm khái niệm hệ thống chính trị, đồng thời không chỉ được mục tiêu và bản chất của quá trình hình thành hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị trong xã hội bao gồm các đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ đương thời phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền.

Khái niệm nêu trên đã có hướng liệt kê đúng đắn các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị, tuy nhiên chưa nêu được khía cạnh là thiết chế quyền lực của hệ thống chính trị.

Từ những khái niệm đó, có thể tựu chung lại: ***Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các thiết chế quyền lực chính trị, được xã hội thừa nhận bao gồm các tổ chức chính trị như Đảng phái, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội có mối quan hệ mang tính pháp quy với nhau cùng liên kết nhằm thực hiện mục tiêu chính trị phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.***

4.2. Kết cấu và chức năng của hệ thống chính trị.

4.2.1. Kết cấu của hệ thống chính trị

Bất cứ một chế độ chính trị nào cũng duy trì tồn tại một hệ thống chính trị. Hệ thống đó là tập hợp các thiết chế thực thi quyền lực chính trị và bao giờ cũng có kết cấu của nó. *Kết cấu của hệ thống chính trị hàm chỉ các tổ chức cấu thành hệ thống chính trị và mối quan hệ giữa các tổ chức đó.*

Kết cấu của hệ thống chính trị bao gồm: *Các tổ chức chính trị như Đảng chính trị, Nhà nước và Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận dân tộc thống nhất, các tổ chức đoàn thể quần chúng.*

i) *Đảng chính trị*: Là bộ phận tích cực nhất và có tổ chức của một giai cấp, làm công cụ đấu tranh cho lợi ích của giai cấp đó. Đảng chính trị là một tổ chức xã hội tự nguyện, liên minh của những người cùng tư tưởng, theo đuổi những mục đích chính trị nhất định; cố gắng giành ảnh hưởng lãnh đạo đối với đời sống chính trị và tổ chức xã hội, ra sức giành và giữ chính quyền để thực hiện đường lối của mình. Những vấn đề về Đảng chính trị sẽ được nói cụ thể tại chương 5.

Về vai trò, Đảng chính trị là hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị. Thông qua các cương lĩnh, điều lệ, chủ trương, nghị quyết...Đảng chính trị chỉ ra đường lối, phương hướng để Nhà nước và xã hội hướng tới. Đảng chính trị có ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống chính trị, xã hội của một quốc gia một khi nó trở thành Đảng cầm quyền.

ii) *Nhà nước*: Nhà nước là một thiết chế quyền lực đặc biệt, là một công cụ do Đảng chính trị và giai cấp thống trị lập ra nhằm duy trì sự thống trị và đảm bảo quyền lợi của giai cấp đó, đồng thời trấn áp giai cấp, tầng lớp khác.

Về hình thức, tùy vào từng quan hệ sản xuất xã hội khác nhau trong lịch sử mà tồn tại các kiểu và các hình thức Nhà nước khác nhau. Ở xã hội chiếm hữu nô lệ, có bốn phương thức hình thành Nhà nước gồm: Phương thức Aten, Phương thức Roma cổ đại, phương thức Giec - manh và phương thức phương Đông cổ đại([2]). Ở xã hội phong kiến, quyền lực tập trung mạnh mẽ vào một vị vua được gọi là "thiên tử". Do đó, vua là người đứng đầu nắm toàn bộ quyền hành điều khiển Nhà nước, tiếp đến là hệ thống quan lại, quý tộc từ trung ương đến địa phương. Sang chế độ tư bản chủ nghĩa Nhà nước được tổ chức theo học thuyết Tam quyền phân lập với nhiều hình thức khác nhau: Chính thể quân chủ lập hiến, chính thể cộng hòa tổng thống, chính thể cộng hòa đại nghị. Đặc điểm chung của Nhà nước tư sản là sự phân chia quyền lực nhà nước thành các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các quyền này độc lập, đối trọng, kiểm chế và kiểm soát lẫn nhau. Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền

tăng quyền lực Nhà nước là thống nhất thuộc về nhân dân, nhưng có sự phân chia với nhau trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nhà nước có vai trò vô cùng quan trọng, là trụ cột của hệ thống chính trị. Thông qua các cơ chế quyền lực, Nhà nước quản lý toàn bộ các mặt của đời sống xã hội: Quyền lập pháp giúp Nhà nước ban hành pháp luật, quyền hành pháp giúp Nhà nước tổ chức và thực thi pháp luật, quản lý nền sản xuất, quản lý đời sống xã hội, quyền tư pháp giúp Nhà nước kiểm sát và xét xử các hành vi vi phạm pháp luật, chống lại chế độ kinh tế, chính trị của quốc gia, dân tộc..Hoạt động của Nhà nước chính là trung tâm của sự vận hành hệ thống chính trị.

iii) Các tổ chức liên minh, liên kết, đại diện cho các lực lượng khác nhau trong xã hội: Đó là các tổ chức đoàn kết toàn dân tộc, các tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Các tổ chức này góp phần tham gia vào hoạt động của hệ thống chính trị trong việc tạo ra khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ lợi ích cho các giai tầng xã hội trước giai cấp thống trị. Một mặt các tổ chức này đóng vai trò lớn trong hệ thống chính trị, góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống này; mặt khác, trong nhiều trường hợp chính các tổ chức này lại là nguyên nhân phá vỡ hệ thống chính trị hiện thời. Đó là khi một giai cấp tiến bộ trong lịch sử ra đời, có tổ chức tiên phong, đại diện xong chưa nắm được quyền lực chính trị. Khi đó, thông qua con đường bạo lực cách mạng, nó sẽ lật đổ chính quyền của giai cấp thống trị lỗi thời, lạc hậu, cũng tức là đập đổ hệ thống chính trị hiện thời để xây dựng lên một hệ thống chính trị mới mang bản chất giai cấp của chính nó.

4.2.2. Chức năng của hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị có những chức năng chủ yếu sau:

- *Chức năng duy trì chế độ thống trị của một giai cấp vì lợi ích giai cấp:* Bất cứ một hệ thống chính trị nào cũng mang bản chất của giai cấp thống trị lập ra hệ thống đó. Đồng thời, quá trình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị không nhằm mục đích nào khác là bảo vệ quyền lợi, bảo vệ sự thống trị của giai cấp nắm quyền. Hệ thống chính trị chính là hiện hữu của sự thống trị mà giai cấp nắm quyền đặt ra, và đến lượt mình hệ thống chính trị đó bảo vệ và đẹp lại lợi ích cho chính giai cấp đặt ra nó.

- *Chức năng tổ chức và thực thi quyền lực chính trị:* Quyền lực chính trị là công cụ, phương tiện để giai cấp thống trị sử dụng nhằm đạt mục đích thống trị của mình. Muốn sử dụng quyền lực đó, giai cấp thống trị phải lập ra các thiết chế

sử dụng đó chính là hệ thống chính trị. Mỗi một bộ phận cấu thành hệ thống có sự phân chia quyền lực khác nhau để cùng thực hiện mục tiêu thống trị của giai cấp nắm quyền. Đảng chính trị sử dụng quyền lực chính trị thông qua các biện pháp định hướng, lãnh đạo. Nghị viện sử dụng quyền lập pháp, Chính phủ sử dụng quyền hành pháp và các cơ quan Tòa án, công tố, kiểm sát thì sử dụng quyền tư pháp.

- *Chức năng duy trì ổn định chính trị - điều hành nền sản xuất*: Hệ thống chính trị giúp giai cấp thống trị duy trì an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Thông qua hệ thống các cơ quan an ninh, đồng thời tổ chức và phối hợp với hệ thống quân sự từ trung ương đến địa phương, vấn đề an ninh quốc gia được bảo đảm. Từ chỗ an ninh chính trị được bảo đảm, hệ thống chính trị điều khiển nền sản xuất xã hội thông qua quan hệ sản xuất do giai cấp thống trị thiết lập với các giai cấp, tầng lớp khác.

- *Chức năng quản lý xã hội*: Đời sống xã hội bao gồm rất nhiều các ngành, lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn như: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, nông lâm nghiệp...v.v. Mỗi ngành, lĩnh vực đó đều phải được quản lý để duy trì sự ổn định, trật tự trong vòng kiểm soát do giai cấp thống trị đặt ra. Chức năng quản lý xã hội của hệ thống chính trị được thiết lập trên các mặt của đời sống xã hội thông qua các thiết chế hành pháp.

[1] Sđd, t21, tr 628

[2] Xin xem thêm ở chương 3. Quyền lực chính trị; Mục 3.2. Quá trình hình thành và phát triển của quyền lực chính trị

4.3. Phân loại hệ thống chính trị

Việc phân loại hệ thống chính trị cho phép phân biệt các hệ thống chính trị khác nhau của các nhà nước trong thực tiễn. Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại hệ thống chính trị, dưới đây giới thiệu một số tiêu chí:

4.3.1. Phân loại dựa theo bản chất của chế độ xã hội

Phân loại dựa theo bản chất của chế độ xã hội, chia thành:

- Hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa: Là hệ thống chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc điểm chung của hệ thống chính trị này là lấy nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lê nin, đặc biệt lấy lý luận về nhà nước vô sản kiểu mới của

Lênin làm "cốt" để xây dựng Hệ thống chính trị. Hiện nay trên thế giới có bốn nước đang xây dựng hệ thống chính trị dưới chế độ Xã hội chủ nghĩa là Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và Cu Ba. Hệ thống chính trị các nước này đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Hệ thống chính trị Tư bản chủ nghĩa: Là hệ thống chính trị của các nước đi theo đường hướng tư bản chủ nghĩa. Quyền lực của hệ thống chính trị được xây dựng trên nền tảng lãnh đạo của giai cấp tư sản. Dù Nhà nước được tổ chức theo hình thức Cộng hòa hay Đại nghị thì đều có chung một bản chất là quyền lực thuộc về giai cấp tư sản. Nhà nước được tổ chức nằm trong sự hoạch định và thao túng của giai cấp này. Nổi bật trong hệ thống chính trị này là nhà nước của Mỹ, Anh, Pháp....

- Hệ thống chính trị trung lập: Là những hệ thống chính trị của các quốc gia không tuyên bố đi theo đường hướng xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, nhưng vẫn được xếp vào một trong hai phong trào chính trị thế giới, có thể là phong trào cánh tả, cũng có thể là phong trào cánh hữu. Tiêu biểu các nước thuộc loại này như: Lào, Campuchia...

4.3.2. Phân loại dựa theo dấu hiệu của Đảng chính trị trong hệ thống chính trị

Phân loại dựa theo dấu hiệu của Đảng chính trị trong hệ thống chính trị, tức là việc căn cứ vào đảng chính trị trong hệ thống để xem xét. Ta có các căn cứ để xét như sau:

- Hệ thống chính trị là độc đảng hay đa đảng chính trị
- Hệ thống chính trị có đảng cầm quyền là độc đảng hay đa đảng, và đảng cầm quyền này có được Hiến pháp trao quyền quy định hay không.

Căn cứ vào các tiêu chí như vậy, có thể phân thành 5 nhóm như sau:

Nhóm 1. Hệ thống chính trị có một đảng và là đảng cầm quyền.


Nhóm 2. Hệ thống chính trị đa đảng, chỉ có một đảng là đảng cầm quyền theo hiến định

Nhóm 3. Hệ thống chính trị đa đảng, chỉ có một đảng là đảng cầm quyền nhưng không theo hiến định

Nhóm 4. Hệ thống chính trị đa đảng, chỉ có hai đảng thay nhau cầm quyền

Nhóm 5. Hệ thống chính trị đa đảng và đa đảng cầm quyền dựa vào sự chia sẻ số ghế trong nghị viện hoặc liên minh các đảng thành lập chính phủ liên hiệp để cầm quyền.

Ta có bảng minh họa cụ thể như sau:


Bảng 1. Hệ thống chính trị dựa theo dấu hiệu đảng chính trị

4.3.3. Phân loại hệ thống chính trị dựa theo mối quan hệ quyền lực giữa các bộ phận cấu thành hệ thống

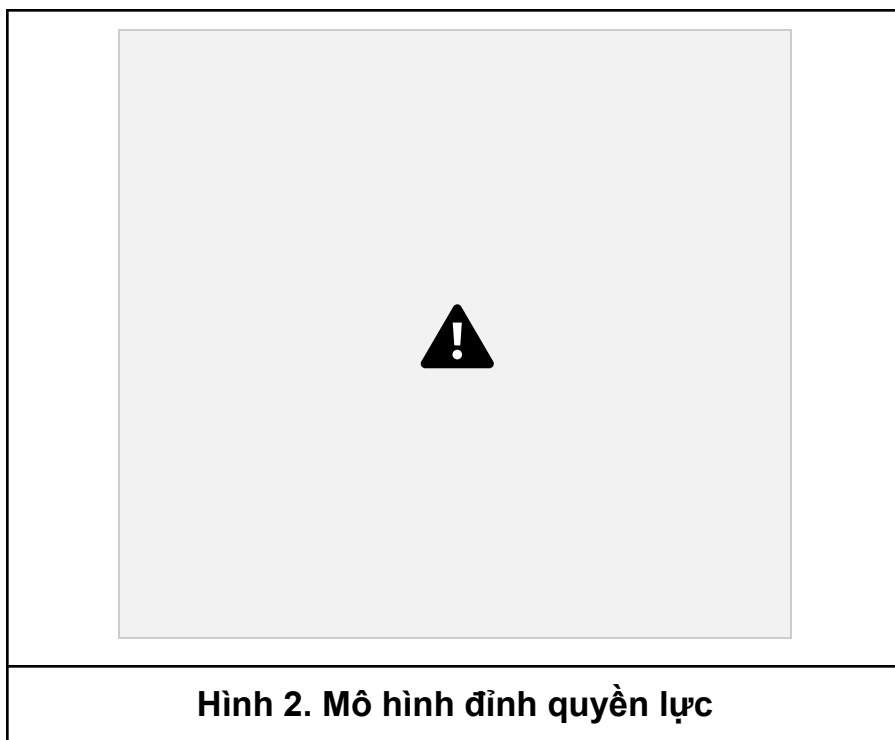
Phân loại dựa theo mối quan hệ quyền lực giữa các bộ phận cấu thành hệ thống nghĩa là xem xét mối quan hệ quyền lực giữa Nhà nước, Đảng chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, chúng có mối quan hệ ràng buộc với nhau như thế nào?

Căn cứ vào mối quan hệ này, trên thế giới có hai mô hình hệ thống chính trị là: Một là, Mô hình hệ thống chính trị nhà nước là trung tâm.



Mô hình hệ thống chính trị Nhà nước là trung tâm xem xét Nhà nước như một trung tâm quyền lực và là cái đích để các đảng chính trị đạt đến. Nếu đảng chính trị nào càng lớn, càng có quỹ đạo gần Nhà nước hơn thì càng có cơ hội nắm giữ quyền lực của Nhà nước và chi phối tới các đảng chính trị khác hoặc các tổ chức chính trị - xã hội ở phía có quỹ đạo xa Nhà nước hơn. Mô hình này tồn tại ở các nước có đa đảng chính trị và đa đảng nắm quyền. Đối với những nước có 2 đảng thay nhau nắm quyền thì quỹ đạo của hai đảng này ngang bằng nhau và khoảng cách giữa chúng đến Nhà nước là như nhau. Ví dụ như ở Anh và Mỹ chẳng hạn.

Hai là, mô hình hệ thống chính trị đỉnh quyền lực



Mô hình đỉnh quyền lực hàm chỉ rằng đảng cầm quyền là độc đảng và có sức mạnh chi phối nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Nhà nước và các tổ chức này phục tùng một đỉnh quyền lực là đảng cầm quyền và có chức năng phối hợp, cộng tác trong hoạt động. Diễn hình của mô hình loại này là ở các nước đơn đảng như Việt Nam, Trung Quốc.

4.4. Hệ thống chính trị ở nước ta

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thể hiện bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lí. Đảng Cộng sản, với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân và đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc, có sứ mạng lãnh đạo toàn bộ xã hội thông qua nhà nước và các đoàn thể nhân dân; bộ máy nhà nước có chức năng quản lí mọi mặt đời sống xã hội; các đoàn thể nhân dân có chức năng tập hợp các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia việc quản lí nhà nước, quản lí xã hội. Dưới đây là kết cấu và một số đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta.

4.4.1. Kết cấu của hệ thống chính trị ở nước ta

Cũng giống như các hệ thống chính trị nói chung, hệ thống chính trị nước ta

được kết cấu từ các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khác nhau, gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể quần chúng là thành viên của Mặt trận. Mỗi tổ chức có vị trí, vai trò khác nhau do chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, nhưng cùng tác động vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo quyền lực của nhân dân:

a. Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị nhưng lại là hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau:

Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, những quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời Đảng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng được Nhà nước tiếp nhận, thể chế hoá cụ thể bằng pháp luật và những chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình cụ thể. Vì vậy, Đảng luôn quan tâm đến việc xây dựng Nhà nước và bộ máy của Nhà nước, đồng thời kiểm tra việc Nhà nước thực hiện các Nghị quyết của Đảng.

Đảng lãnh đạo xã hội thông qua hệ thống tổ chức Đảng các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Đảng lãnh đạo công tác cán bộ bằng việc xác định đường lối, chính sách cán bộ, lựa chọn, bố trí, giới thiệu cán bộ có đủ tiêu chuẩn vào các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ngoài ra, Đảng lãnh đạo bằng phương pháp giáo dục, thuyết phục và nêu gương, làm công tác vận động quần chúng, lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ...

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

b. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị ở nước ta, là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Đó chính là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Mặt khác, Nhà nước chịu

sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Như vậy, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là cơ quan quyền lực, vừa là bộ máy chính trị, hành chính, vừa là tổ chức quản lý kinh tế, văn hoá, xã hội của nhân dân. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các lập hiến, lập pháp, hành chính, kiểm sát và xét xử.

Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội do nhân dân trực tiếp bầu ra, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập ra Hiến pháp và Pháp luật (lập hiến và lập pháp). Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Nhà nước. Chính phủ là cơ quan chấp hành, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và phải báo cáo công tác với Quốc hội.

Cơ quan kiểm sát và xét xử gồm: Toà án, Viện kiểm sát và các cơ quan điều tra. Đây là những cơ quan được lập ra trong hệ thống tổ chức Nhà nước để xử lý những tổ chức và cá nhân vi phạm pháp luật, đảm bảo việc thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, chính xác.

Toà án các cấp là cơ quan nhân danh Nhà nước, thể hiện thái độ và ý chí của Nhà nước trước các vụ án thông qua hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Toà án là cơ quan duy nhất có quyền áp dụng chế tài hình sự, không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Để đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, đảm bảo việc xét xử đúng người đúng tội, Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức thành hệ thống, tập trung thống nhất và độc lập thực hiện thẩm quyền của mình đối với các cơ quan khác của Nhà nước. Thực hiện các quyền khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều

tra, truy tố...

Nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Vì vậy, cần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

c. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội...

Đây là những tổ chức chính trị-xã hội hợp pháp được tổ chức để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản đại diện cho lợi ích của nhân dân, tham gia vào hệ thống chính trị, tùy theo tính chất, tôn chỉ, mục đích của mình nhằm bảo vệ quyền lợi dân chủ của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của các hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí và nguyện vọng; phát huy khả năng tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện giám sát của nhân dân với cán bộ, công chức và giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân có nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng, động viên và phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị; chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của nhân dân; tham gia vào công việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, góp phần thực hiện và thúc đẩy quá trình dân chủ hoá và đổi mới xã hội, thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức theo một hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Cơ sở phân cấp theo quản lý hành chính gồm có xã, phường, thị trấn. Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: Tổ chức cơ sở Đảng, Hội đồng Nhân dân xã, phường; Ủy ban Nhân dân xã, phường; Mặt trận Tổ quốc xã, phường và các tổ chức chính trị-xã hội khác như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn... Tất cả các tổ chức trên đều có vị trí, vai trò và nhiệm vụ được quy định trong Luật Tổ chức của hệ thống chính trị ở nước ta.

Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và

vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế-xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

4.4.2. Bản chất và đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta.

a. Bản chất:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, nhân dân ta đã đứng lên làm cách mạng, giành lấy quyền lực và tổ chức ra hệ thống chính trị của mình. Vì vậy, hệ thống chính trị ở nước ta có những bản chất sau:

Một là, hệ thống chính trị ở nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân, nghĩa là các tổ chức trong hệ thống chính trị đều đứng vững trên lập trường quan điểm của giai cấp công nhân. Từ đó đã quy định chức năng, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị, đảm bảo quyền làm chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Hai là, bản chất dân chủ của hệ thống chính trị ở nước ta thể hiện trước hết ở chỗ: Quyền lực thuộc về nhân dân với việc Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, thiết lập sự thống trị của đa số nhân dân với thiểu số bóc lột.

Ba là, bản chất thống nhất không đối kháng của hệ thống chính trị ở nước ta. Bản chất đó dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, về sự thống nhất giữa những lợi ích căn bản của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc.

b. Đặc điểm của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay:

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay có những đặc điểm cơ bản sau:

Một là, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta đều lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Các quan điểm và nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đều được tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta vận dụng, ghi rõ trong hoạt động của từng tổ chức.

Hai là, hệ thống chính trị ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là một tổ chức trong hệ thống chính trị nhưng có vai trò lãnh

đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, do những phẩm chất của mình - Đảng là đại biểu cho ý chí và lợi ích thống nhất của các dân tộc; do truyền thống lịch sử mang lại và do những thành tựu rất to lớn đạt được trong hoạt động thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng... làm cho Đảng ta trở thành Đảng chính trị duy nhất có khả năng tập hợp quần chúng lao động đông đảo để thực hiện lý tưởng của Đảng, nhân dân tự nguyện đi theo Đảng, thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tế. Đây là đặc trưng cơ bản của hệ thống chính trị ở nước ta.

Ba là, hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này được tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta thực hiện.

Việc quán triệt và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là nhân tố cơ bản đảm bảo cho hệ thống chính trị có được sự thống nhất về tổ chức và hành động nhằm phát huy sức mạnh đồng bộ của toàn hệ thống cũng như của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị.

Bốn là, hệ thống chính trị bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi.

Đây là đặc điểm khác biệt căn bản của hệ thống chính trị ở nước ta với hệ thống chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự thống nhất lợi ích giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động cũng như cả dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hiện nay, trong tổ chức và vận hành của hệ thống chính trị, đã có những luồng ý kiến mới. Tác giả TS. Trần Thái Dương của Đại học Luật Hà Nội đã đề xuất một khái niệm mới trong cách tiếp cận về hệ thống chính trị hiện nay. Từ sự phân tích vai trò ngày càng tích cực của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tác giả khẳng định "Trong thực tế đời sống chính trị - xã hội ở nước ta, thời gian qua có một số tổ chức xã hội - nghề nghiệp đã phát triển thành tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Nhưng cho đến nay, giới khoa học pháp lý và chính trị nước ta mới chỉ đề cập tới hệ thống chính trị với ý nghĩa là hệ thống các thiết chế chính trị và chính trị - xã hội gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể quần chúng chứ chưa nghiên cứu hệ thống chính trị - xã hội với ý nghĩa là một hệ thống rộng lớn hơn, trong đó không chỉ có các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội mà còn có cả một số tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác"([1]).

Như vậy ở đây, tác giả đã đề xuất khái niệm mới "Hệ thống chính trị - xã

hội", và hệ thống này là phép cộng giữa Hệ thống chính trị theo quan niệm cũ và hệ thống xã hội khác, nhưng không phải là phép cộng cơ học. Hệ thống chính trị - xã hội theo tác giả đề xuất là "hệ thống các thiết chế chính trị, chính trị - xã hội và các thiết chế xã hội khác gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội rộng lớn của nhân dân".

Đây là một hướng nghiên cứu mới về lý luận chính trị, đòi hỏi phải được xem xét một cách cẩn thận, tỷ mỉ, phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

CHƯƠNG 5. ĐẢNG CHÍNH TRỊ

5.1. Quan niệm chung về Đảng chính trị

5.1.1. Khái niệm chung về Đảng và Đảng chính trị

Đảng là một tổ chức xã hội tự nguyện, tập hợp những người có những đặc điểm chung nhất định, tuân thủ theo những quy tắc nhất định, cùng thực hiện những nhiệm vụ nhất định nhằm thỏa mãn mục tiêu nào đó.

Với ý nghĩa như vậy, Đảng được hiểu là một tổ chức xã hội, một loại hình thiết chế xã hội và có thể được tổ chức ra vì bất cứ mục tiêu gì.

Khi một Đảng có mục tiêu chính trị, tập hợp những người có chung một đặc điểm là cùng một giai cấp, cùng có mong muốn đấu tranh giành quyền lực chính trị, thì Đảng đó là Đảng chính trị.

Một cách khái quát: *Đảng chính trị là bộ phận tích cực nhất và có tổ chức của một giai cấp, làm công cụ đấu tranh cho lợi ích của giai cấp mình.*

Các Đảng chính trị xuất hiện ngay từ những giai đoạn phát triển đầu tiên của xã hội có giai cấp, gắn liền với những sự khác nhau về lợi ích của các giai cấp và của các tập đoàn hợp thành giai cấp. Nhưng lịch sử thực sự của các Đảng chính trị chỉ bắt đầu từ thời kì Đại cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ 18). Trong xã hội hiện đại, tương ứng với cơ cấu giai cấp của nó, các Đảng chính trị có thể là đảng tư sản, đảng vô sản, đảng địa chủ, đảng nông dân, đảng tiểu tư sản... Có những đảng phản ánh lợi ích của một liên minh giai cấp (như đảng tư

sản - địa chủ...). Đôi khi (ở các quốc gia nhiều dân tộc) các đảng có màu sắc dân tộc và đưa ra những mục tiêu dân tộc. Nhưng ngay cả trong trường hợp này thì cơ sở của các đảng đó vẫn là lợi ích giai cấp.

Đảng chính trị là một tổ chức xã hội tự nguyện, liên minh của những người cùng tư tưởng, theo đuổi những mục đích chính trị nhất định; cố gắng giành ảnh hưởng lãnh đạo đối với đời sống chính trị và tổ chức xã hội, ra sức giành và giữ chính quyền để thực hiện đường lối của mình. Là một bộ phận cấu thành của kiến trúc thượng tầng, ĐCT hành động bằng thuyết phục, truyền bá các quan điểm tư tưởng, bằng cách tập hợp những người cùng chí hướng. Đảng chính trị có những phương tiện vật chất như các cơ quan báo chí, thông tin và xuất bản. Đảng thu hút vào hàng ngũ của mình bộ phận tích cực nhất của giai cấp, chứ không bao giờ toàn bộ giai cấp. Tùy theo giai cấp đóng vai trò như thế nào trong đời sống và trong sự phát triển xã hội (vai trò cách mạng tiến bộ, bảo thủ, phản động) mà đảng của nó thể hiện vai trò đại diện cho lợi ích của giai cấp.

Đảng chính trị ngày nay thường có mục tiêu nhất định được thể hiện trong cương lĩnh hoặc tuyên ngôn có tính chất cương lĩnh, tiến hành một chính sách nhất định, có những nguyên tắc tổ chức nhất định và có một tổ chức nội bộ tương ứng với những nguyên tắc đó. Đảng Cộng sản Việt Nam là một Đảng chính trị, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

5.1.2. Những đặc điểm của Đảng chính trị

Đảng chính trị mang những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, Đảng chính trị là đội quân tiên phong của một giai cấp. Điều này là hiển nhiên đúng, vì bất cứ một đảng chính trị nào lập ra cũng là được thành lập bởi một giai cấp, hoặc một liên minh giai cấp. Đảng đó mang bản chất của chính giai cấp sản sinh ra nó, và đến lượt mình Đảng đó bảo vệ cho lợi ích của giai cấp mà nó được sinh ra.

Thứ hai, Đảng chính trị bao giờ cũng là công cụ thực hiện mục tiêu chính trị của một giai cấp. Điều đó có nghĩa, mục tiêu cao nhất của Đảng chính trị luôn luôn là đấu tranh giành vị trí thống trị.

Thứ ba, Đảng chính trị bao giờ cũng cần và phải có một học thuyết làm nền tảng tư tưởng. Đó chính là hệ tư tưởng của giai cấp sản sinh ra đảng đó.

Thứ tư, các Đảng chính trị là thiết chế quyền lực thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội. Vì vậy, nó bị quyết định bởi cơ sở hạ tầng hợp thành cơ cấu kinh tế

của xã hội đó. Tuy nhiên, trong chừng mực Đảng chính trị cũng có tác động trở lại làm thay đổi quan hệ sản xuất xã hội theo hai hướng - tích cực và tiêu cực. Nhất là khi đảng chính trị với vị trí là đảng cầm quyền, nó sẽ có tác động to lớn tới cơ sở hạ tầng của một xã hội. Thậm chí có thể làm khuynh đảo nền sản xuất xã hội thông qua các cuộc cách mạng xã hội mà nó vận động quần chúng nhân dân thực hiện.

Thứ năm, Đảng chính trị luôn luôn có hệ thống tổ chức chặt chẽ thông qua Điều lệ, đồng thời Đảng chính trị tác động tới quần chúng, tới xã hội thông qua con đường tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục. Đồng thời đảng chính trị khi trở thành đảng cầm quyền cũng sử dụng các công cụ như Cương lĩnh chính trị, Nghị quyết, chỉ thị....để lãnh đạo và định hướng xã hội.

Ngoài ra, đảng chính trị còn mang bản chất của lịch sử và thời đại, thông qua sự vận dụng và phát triển tri thức tinh hoa của nhân loại về chính trị, nó áp dụng vào hoạt động thực tiễn của chính nó để hoàn bị mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của mình.

5.2. Đảng cầm quyền

5.2.1. Quan niệm về Đảng cầm quyền

Đảng chính trị một khi đại diện cho một giai cấp lên nắm quyền lực chính trị thì được gọi là Đảng cầm quyền. Như vậy, đảng cầm quyền là đảng chính trị được hình thành trên cơ sở đội tiên phong của giai cấp giữ địa vị về kinh tế, sử dụng quyền lực nhà nước để lãnh đạo và tổ chức các mặt của đời sống xã hội. Vấn đề đặt ra, khi nào thì một đảng chính trị sẽ trở thành một đảng cầm quyền? Điều này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố:

[1]Website:http://www.hcmulaw.edu.vn/hcmulaw/index.php?option=com_content&view=article&id=365:snvhtctxhovnhn&catid=104:ctc20062&Itemid=109.

Thứ nhất, giai cấp lập ra đảng đó phải là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến của lịch sử, phải là giai cấp cấp tiến, cách mạng. Thứ hai, giai cấp thống trị hiện thời đã trở lên mục ruỗng, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Thứ ba, đảng chính trị đó phải có học thuyết và đường lối đúng đắn, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại chế độ cũ. Thứ tư, cần có thời cơ cách mạng chín

muồi. Một cuộc cách mạng xã hội nổ ra và đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền.

Đảng cầm quyền một mặt là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp thống trị, mặt khác duy trì sự lãnh đạo, tổ chức và quản lý xã hội vì lợi ích của toàn xã hội.

5.2.2. Vị trí, chức năng của Đảng cầm quyền

Trong hệ thống chính trị, Đảng cầm quyền giữ vị trí hạt nhân lãnh đạo. Với vị trí này, đảng cầm quyền đề ra đường lối, chủ trương, chính sách để Nhà nước, các chủ thể xã hội khác cụ thể hóa và thực hiện.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: Đảng cầm quyền đại diện cho giai cấp tư sản. Các đảng phái ở đây được tổ chức theo chế độ đa Đảng và thay nhau lên nắm quyền. Tuy được núp dưới chiêu bài dân chủ, cạnh tranh nhưng thực chất, các đảng phái này đều là các đảng đại diện cho giai cấp tư sản và bị các tập đoàn, các công ty lớn kiểm soát.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: để thành quả cách mạng và xương máu của các dân tộc đứng lên chống tư sản, chống đế quốc không bị xói mòn, sụp đổ, các đảng Cộng sản không thiết lập chế độ đa Đảng mà kêu gọi sự liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cấu thành Đảng lãnh đạo.

Chức năng của Đảng cầm quyền thể hiện ở những khía cạnh sau:

Chức năng đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp thống trị: Bất cứ một đảng cầm quyền nào cũng đều thực hiện mục tiêu vì quyền lợi của giai cấp thống trị.

Chức năng lãnh đạo Nhà nước và xã hội: Thực hiện chức năng căn bản này, đảng cầm quyền xác lập mục tiêu, nội dung của sự phát triển xã hội; thiết lập chế độ chính trị, chế độ kinh tế, xác định hình thức và cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước; đề ra chủ trương, đường lối, quan điểm giải quyết các mặt, các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội.

Chức năng đối ngoại: Đảng cầm quyền đặt và duy trì quan hệ với các Đảng phái khác, tham gia vào đời sống chính trị quốc tế, tham gia các tổ chức, các phong trào quốc tế.

5.3. Đảng Cộng và tính tất yếu ra đời của Đảng cộng sản

5.3.1. Đảng Cộng sản

Đảng chính trị(nói chung) là một tổ chức chính trị cao nhất đại biểu tập trung cho ý chí và lợi ích của toàn thể một giai cấp. Theo nghĩa đó “*Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị cao nhất đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân – giai cấp vô sản*”. Đã là một tổ chức chính trị cao nhất, đại diện cho một giai cấp thì Đảng Cộng sản dứt khoát phải có một hệ tư tưởng vững chắc, và hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản là chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng cũng cần có một hệ thống các bộ phận từ Trung Ương đến các cấp Cơ sở, có Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, có đường lối chiến lược sách lược để lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

5.3.2. Tính tất yếu và quy luật ra đời của Đảng Cộng sản

Tính tất yếu đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản nó xuất phát từ thực tiễn của phong trào đấu tranh của Giai cấp công nhân. Trong chế độ Tư bản chủ nghĩa, Giai cấp công nhân là tập đoàn ổn định, đại biểu cho Lực lượng sản xuất tiên tiến, hiện đại, tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất của cải vật chất cho xã hội, mâu thuẫn về lợi ích với Giai cấp tư sản và bị giai cấp này bóc lột về giá trị thặng dư. Là giai cấp đảm nhận sứ mệnh lịch sử là lật đổ chế độ xã hội Tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội Xã hội chủ nghĩa. Phong trào đấu tranh của công nhân muốn chuyển từ tự phát lên tự giác phải có một tổ chức lãnh đạo, nên Đảng Cộng sản ra đời như một tất yếu. Mặt khác cũng xuất phát từ nhận thức về mục tiêu, nhiệm vụ, đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp của cách mạng xã hội mà Đảng Cộng sản cần phải ra đời. Sự ra đời này đảm bảo cho những điều kiện chủ quan của cách mạng xã hội bên cạnh các điều kiện khách quan là thời cơ cách mạng và tình thế cách mạng đã chín muồi.

Quy luật hình thành của Đảng Cộng sản, thực tiễn đã chỉ ra rằng “phải có chủ nghĩa Mác soi sáng, Giai cấp công nhân mới đạt tới trình độ nhận thức lý luận về vai trò lịch sử của mình. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân dẫn đến hình thành chính đảng của Giai cấp công nhân”([1]).

5.4. Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam do chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là tổ chức chính trị cao nhất của hệ thống chính trị nước ta, “*là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của*

dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa Cộng sản.

5.4.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tuân theo những quy luật chung về sự ra đời của một Đảng Cộng sản, đồng thời có những nét riêng biệt, đặc trưng: Quy luật chung là cần có phong trào công nhân kết hợp với sự soi sáng của chủ nghĩa Mác. Sự riêng biệt thể hiện ở sự kết hợp với phong trào yêu nước của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Về phong trào của giai cấp công nhân Việt Nam: Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ trong các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Năm 1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, kể từ đó đất nước ta trở thành thực dân nửa phong kiến, xã hội ta rối ren, xơ xác, tiêu điều, nhân dân ta một cổ đôi tròng, sự căm phẫn cứ lớn dần lên mãi. Nhân dân ta đã đứng lên đấu tranh anh dũng, kiên cường. Các phong trào Cần vương, Đông du, Đông kinh nghĩa thực...nhưng rồi đều bị kẻ thù trấn áp tàn bạo. Trước các cuộc khai thác, bóc lột đến tận xương tuỷ thuộc địa của thực dân Pháp, Giai cấp công nhân nước ta đã ra đời, buổi đầu còn ít về số lượng nhưng đã tỏ ra là giai cấp kiên cường, cách mạng. Các cuộc đấu tranh tự phát của công nhân đầu thế kỷ XX đã dần khẳng định sự trưởng thành của Giai cấp công nhân, một đòi hỏi tất yếu đặt ra là phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo phong trào.

Trước đó cách mạng Việt Nam đang trong cơn khủng hoảng trầm trọng về đường lối, các phong trào theo khuynh hướng tư sản đều bị thất bại và bị đàn áp trong bể máu. Trong bối cảnh đó người thanh niên Nguyễn Tất Thành – sau này là chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã ra đi tìm đường cứu nước(1911). Người đã tiếp thu và dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, “nó lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản; làm dấy lên cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi khắp cả nước, trong đó Giai cấp công nhân trở thành một lực lượng chính trị độc lập”[2]

Trước đòi hỏi khách quan của lịch sử, ba tổ chức tiền thân của Đảng đã ra đời là Đông Dương Cộng sản Đảng(6-1929), An Nam Cộng sản Đảng(7-1929) và Đông Dương Cộng sản liên Đoàn(1-1930). Ngày 3-2-1930 tại Cửu Long,

Hương Cảng, Trung Quốc, Bác Hồ “người chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của dân tộc Việt Nam, người duy nhất có đủ uy tín và năng lực...thống nhất các tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam”[3] là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị cũng thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ tóm tắt của Đảng làm định hướng cho cách mạng Việt Nam. Đảng ta đã ra đời từ đó.

Quy luật tất yếu dẫn đến sự ra đời của Đảng ta như đã nói ở trên là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong trào công nhân, phong trào yêu nước và chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tính tất yếu và quy luật ra đời của Đảng Cộng sản đã đóng vai trò quyết định trong việc Giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, tiến hành cách mạng Xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân đã lập ra nền chuyên chính vô sản - Hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa.

5.4.2. Vị trí của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa là một hệ thống bao gồm các tổ chức chính trị: Đảng Cộng sản, Nhà nước Xã hội chủ nghĩa, và các đoàn thể quần chúng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau; và một cơ chế đảm bảo cho hệ thống vận động, là *“hệ thống các tổ chức chính trị căn bản, có quy mô quốc gia, có ý nghĩa chiến lược đối với sự tồn tại, ổn định và phát triển của một nước Xã hội chủ nghĩa”* ([4]).

Hệ thống chính trị hoạt động trên nền tảng là chế độ dân chủ Xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một *bộ phận quan trọng, là hạt nhân của hệ thống chính trị và lãnh đạo cả hệ thống ấy. Đảng có mối quan hệ chặt chẽ với Nhà nước Xã hội chủ nghĩa và các tổ chức Đoàn thể của quần chúng.*

Đảng Cộng sản Việt Nam nằm trong hệ thống chính trị của Việt Nam, hệ thống chính trị đó bao gồm Đảng, Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa, và các tổ chức chính trị của quần chúng như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hội Nông dân, hội Phụ nữ...

Từ khi nước nhà giành độc lập, Đảng ta đã lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị của đất nước tiến lên hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đẩy mạnh và nâng cao đời sống xã hội của nhân dân.

5.4.3. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

Một là, Đảng lãnh đạo và tổ chức các cuộc đấu tranh cách mạng, khởi

nghĩa giành chính quyền – Cách mạng tháng Tám – 1945.

Ngay sau khi ra đời Đảng ta đã lãnh sứ mạng lãnh đạo toàn bộ cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng đã chỉ rõ phương hướng và nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là *“là tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội Cộng sản”*[5].

Ngày 2-9-1945 chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc *Tuyên Ngôn Độc Lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà, lập lên nhà nước của dân, do dân và vì dân. Dân tộc ta hoàn toàn thoát khỏi xích xiềng nô lệ, lật đổ chế độ phong kiến và vững vàng bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta có quyền tự hào rằng *“lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới mười lăm tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”*[6]

Hai là, Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược(1945-1954)

Ngay sau ngày 2-9-1945, chính quyền non trẻ của ta đứng trước muôn vàn khó khăn gian khổ, vừa chiến đấu chống thù trong vừa tích cực chống giặc ngoài với ba loại giặc : giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Vận mệnh dân tộc như *“ngàn cân treo sợi tóc”*.

Thực dân Pháp quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, giành thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chiến thắng lừng lẫy ở Điện Biên Phủ(5-1954) đã khép lại cuộc kháng chiến.

Thắng lợi đó đã khẳng định sức mạnh quật cường và ý chí sắt đá của dân tộc ta, *“thắng lợi đó cũng chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập”*[7]

Ba là, Đảng lãnh đạo tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược(1954-1975).

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp,nước ta tạm chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội đối lập nhau. Đảng ta trên cơ sở đó đã xác định nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng nước ta lúc này là :1-Tiến hành cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa

vững mạnh của cách mạng cả nước.2- Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Cách mạng mỗi miền tuy có nhiệm vụ khác nhau nhưng quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là quyết định còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam là quan trọng, tiến tới giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vững vàng đứng lên kháng chiến chống Mỹ với tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do”, quyết “đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào”. Trải qua 21 năm kiên cường đấu tranh chống lại một lực lượng khổng lồ về quân sự và phương tiện chiến tranh hiện đại của một tên trùm đế quốc, nhân dân ta đã lần lượt đi hết thắng lợi này đến thắng lợi khác qua các chiến lược chiến tranh của Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa Xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng ngời sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”[8]

Bốn là, Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa(từ 1975 đến nay)

Đây là thời kỳ cả nước ta quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thuận lợi, chúng ta gặp không ít những khó khăn thách thức mà chủ yếu là trên lĩnh vực kinh tế.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI(12-1986) có nhiệm vụ nhìn thẳng vào sự thật, đã mạnh dạn chỉ ra sai lầm

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*(dùng trong các trường Đại học và Cao đẳng, tái bản lần thứ nhất). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005,tr88.

[2] Ban tư tưởng – Văn hoá Trung Ương. *Tài liệu học tập chính trị dành cho học viên lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,2006,tr15.

[3] Sđd.tr16

[4] Sđd, tr160.

[5] . Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, tr2.

[6] Hồ Chí Minh *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 6, tr159.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1960, tr23.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Báo cáo chính trị của BCH Trung Ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nxb Sự Thật, 1975, tr5,6.

đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chúng ta nhất định làm hết sức mình cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, vững bước đi lên Chủ nghĩa xã hội, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới”[1].

Tựu chung lại, từ việc nghiên cứu các thành quả to lớn của cách mạng Việt Nam. Chúng ta có quyền tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng chân chính- cách mạng, một Đảng đạo đức- văn minh như lời GS. Lê Mậu Hãn đã từng khẳng định. Nhưng quan trọng hơn cả là chúng ta cần giữ vững, kế thừa và phát huy những truyền thống của Đảng ta, làm cho Đảng ta có đủ năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ngang tầm đòi hỏi mới của thời đại mới, đưa ngọn cờ vinh quang của Đảng lên tầm cao mới.

CHƯƠNG 6. VĂN HOÁ CHÍNH TRỊ

6.1. Quan niệm chung về văn hoá và văn hóa chính trị.

6.1.1. Khái niệm văn hóa

Thuật ngữ văn hóa, từ khi xuất hiện trong lịch sử loài người đã trải qua những biến đổi về mặt nội hàm khái niệm.

Truy tìm nguyên ủy của nó, chúng ta có thể thấy:

Ở *phương Đông*, văn hóa bắt nguồn từ Trung Quốc với ý nghĩa là một phương thức giáo hóa con người Văn trị giáo hóa (đổi ngược lại với phương thức dùng vũ lực). Thuật ngữ văn hóa được sử dụng sớm nhất vào năm 77-6 tr.CN

Ở *phương Tây*, thuật ngữ Culture của người Anh, Kultur của người Đức, Kultura của người Nga đều bắt nguồn từ một từ gốc Latinh là cultus animi - nghĩa là trồng trọt tinh thần.

Như vậy, buổi đầu "văn hóa có nghĩa là trồng trọt, thích ứng với tự nhiên, khai thác tự nhiên và giáo dục, đào tạo cá thể, cộng đồng để họ không còn là con vật tự nhiên và họ có những phẩm chất tốt đẹp"([2])

Trải qua sự phát triển của lịch sử nhân loại, văn hóa có lúc được người ta sử dụng để phân loại trình độ cao thấp. Các học giả phương Tây thế kỷ XIX cho rằng, có thể phân chia văn hóa thế giới từ trình độ thấp, đến trình độ cao và nền văn hóa của họ chiếm vị trí cao nhất. Bởi vì họ cho rằng, bản chất văn hóa của họ là hướng về trí lực và sự vươn lên. Trong tình huống này, họ đã đồng nhất văn hóa với văn minh(civilization).

Đến thế kỷ XX, người ta quan niệm văn hóa không phải là sự cao thấp. Vì xét cho cùng, nếu chỉ so sánh trí lực của các dân tộc mà nói tới văn hóa cao thấp là không chính xác, văn hóa còn tiềm ẩn các giá trị phi trí lực, các giá trị vật chất tinh thần khác rất có giá trị. Vì vậy, văn hóa lúc này chỉ là sự khác biệt giữa các dân tộc chứ không phải là sự cao thấp.

Ngày nay, bàn về văn hóa, có tới cả trăm ngàn các định nghĩa về văn hóa.

Theo Unesco "*văn hóa hôm nay có thể coi là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng: Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lí tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công*

trình vượt trội lên bản thân”([3])

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng nói *"Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặt ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa"*[4]

Một cách chung nhất *"Văn hóa là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra hoặc tác động vào nhằm phục vụ mục đích cuộc sống con người"*.

Văn hóa thấm sâu và hiện hữu trong tất cả các mặt của đời sống xã hội, hình thành những giá trị đa dạng và phong phú: văn hóa gia đình, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa quản lý và đạo đức kinh doanh, văn hóa công cộng, văn hóa thôn bản.... Văn hóa chính trị là một khía cạnh biểu hiện của sự đa dạng về văn hóa, đồng thời cũng là một dạng thức chuyên biệt của các nghiên cứu của văn hóa học.

6.1.2. Khái niệm văn hóa chính trị

Văn hoá chính trị là đối tượng nghiên cứu của một khoa học liên ngành là văn hoá học và chính trị học. Về nội hàm khái niệm văn hoá chính trị, có thể xem xét dưới các góc độ sau đây:

Văn hoá chính trị với tư cách là hệ thống các giá trị, chuẩn mực gắn liền với một nền chính trị xác định: Từ góc độ này, có thể phân loại các hình thức văn hóa chính trị gắn liền với các chế độ chính trị khác nhau trong lịch sử.

Văn hoá chính trị với tư cách là những giá trị, chuẩn mực gắn với mỗi cá nhân, mỗi chủ thể chính trị. Ở phương diện này, văn hoá chính trị gắn liền với văn hoá lãnh đạo, văn hoá quản lý của các chủ thể nằm trong hệ thống chính trị.

Văn hoá chính trị cũng có thể được coi là hệ thống những thiết chế ngàm định, bất thành văn nhưng có tác dụng điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong môi trường chính trị - xã hội mà nó tồn tại.

Văn hóa chính trị là một bộ phận, một phương diện của văn hóa trong xã hội có giai cấp. Nó biểu hiện khả năng, năng lực của con người trong việc giác ngộ lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc trong việc tổ chức, hoàn thiện, hệ thống tổ chức quyền lực, nhằm hiện thực hóa lợi ích giai cấp hay lợi ích nhân dân phù hợp với mục tiêu chính trị và sự tiến bộ xã hội. Văn hóa chính trị còn biểu hiện khả năng, mức độ điều chỉnh những quan hệ chính trị, phù hợp với truyền thống

và những chuẩn mực giá trị xã hội do đời sống cộng đồng con người đặt ra. Văn hóa chính trị phản ánh trình độ tự do, dân chủ, công bằng, văn minh vì sự tiến bộ của xã hội.

Từ những tiếp cận nêu trên, có thể khái quát ***"Văn hóa chính trị là một lĩnh vực, một biểu hiện đặc biệt của văn hóa của loài người trong xã hội có giai cấp, văn hóa chính trị được hiểu là trình độ phát triển của con người thể hiện ở trình độ hiểu biết về chính trị, trình độ tổ chức hệ thống tổ chức quyền lực theo một chuẩn giá trị xã hội nhất định nhằm điều hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai cấp và bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, phù hợp với xu thế phát triển và tiến bộ xã hội"***

6.2. Kết cấu, đặc điểm, vai trò, chức năng của văn hóa chính trị.

6.2.1. Kết cấu của văn hoá chính trị

Nói đến kết cấu của văn hoá chính trị là nói đến tập hợp những giá trị, chuẩn mực cấu thành văn hoá chính trị của một nền chính trị nhất định. Văn hóa chính trị là một cấu trúc phong phú đa dạng và phức tạp, là một tổng thể chứa đựng trong nó hàng loạt nội dung, là chất lượng tổng hòa của tri thức, hệ tư tưởng, quan điểm và định hướng chính trị; tình cảm, niềm tin, nhu cầu về chính trị; uy tín của các tổ chức chính trị và các chủ thể hoạt động chính trị; tính khoa học và sáng tạo của hoạt động chính trị; hiệu năng của các thiết chế chính trị, các công nghệ chính trị.

Sẽ là rất khó nếu có thể liệt kê tất cả các các giá trị, chuẩn mực của văn hoá chính trị. Nhưng trong tất cả các kiểu, các hình thức văn hoá chính trị, có thể xem xét các hệ giá trị cấu thành một nền văn hoá chính trị như sau:

Một là, trình độ giác ngộ lý luận chính trị, lập trường, quan điểm của giai cấp: Văn hoá chính trị là văn hoá mang bản chất của một giai cấp. Vì vậy, việc đo lường trình độ giác ngộ lý luận chính trị, sự lựa chọn lập trường, quan điểm và học thuyết chính trị có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với đời sống chính trị của một quốc gia, dân tộc. Cố nhiên, nó là một biểu hiện, một khía cạnh của văn hoá chính trị.

Sự lựa chọn học thuyết chính trị nào làm nền tảng, lập trường của một giai cấp cho phép xác định sự nhận thức đúng đắn hay sai lầm của giai cấp đối với

quy luật phát triển của lịch sử xã hội. Học thuyết đó có cách mạng, chân chính, khoa học, phù hợp với thực tiễn lịch sử hay không sẽ quyết định mục tiêu, phương pháp đấu tranh cũng như sứ mệnh lịch sử của giai cấp đó.

Trình độ giác ngộ lý luận chính trị cho phép đo lường khả năng nắm bắt và vận dụng học thuyết, quan điểm chính trị vào thực tiễn, biến những "vũ khí lý luận" thành lực lượng thực tiễn. Không chỉ có vậy, nó còn là tiêu chí để đánh giá trình độ giác ngộ lịch sử, giác ngộ sứ mệnh của một giai cấp.

Hai là, hệ thống các giá, trị chuẩn mực phù hợp với lợi ích của giai cấp được cụ thể hoá dưới dạng các quy phạm pháp luật, có chức năng điều chỉnh hành vi của toàn xã hội. Hệ thống quy phạm pháp luật đồ sộ đó cũng chính là yếu tố căn bản cấu thành nền văn hoá chính trị của xã hội.

Tập hợp những quy phạm pháp luật, một mặt bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, mặt khác duy trì sự ổn định của xã hội, giúp xã hội hoạt động trong các quan hệ pháp luật. Khi có những hành vi đi ngược lợi ích của giai cấp, của Nhà nước, của xã hội thì các quy phạm pháp luật sẽ có những quy định và chế tài phù hợp.

Tuy nhiên, tập hợp các quy phạm đạo đức trong xã hội không được luật hoá, cũng cần được giai cấp thống trị gìn giữ, bảo lưu trong hệ thống văn hoá chính trị của mình. Bởi chính những quy phạm đạo đức cũng là những quy phạm quan trọng điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội và là biểu hiện rõ nét nhất của văn hoá.

Ba là, tập hợp những giá trị được quy phạm hoá thành những chuẩn mực có chức năng điều chỉnh các chủ thể tham gia vào đời sống chính trị. Đây là tập hợp những giá trị quan trọng biểu hiện văn hoá chính trị của một giai cấp. Việc quy định văn hoá hành chính, văn hoá công sở, văn hoá xét xử, văn hoá tranh luận....v.v là những bước đi cụ thể xác định những hành vi phù hợp với nền chính trị hiện thời, duy trì nền chính trị đó.

Trong tập hợp nêu trên, những giá trị được quy phạm hoá thành chuẩn mực điều chỉnh hành vi cá nhân được xem là nhỏ nhất, cụ thể nhất, là đơn vị cơ sở của nền văn hoá chính trị. Ở đó quy định những hành vi nào một chính khách được làm, hành vi nào không, thái độ ứng xử cần phải như thế nào cho phù hợp với tính chất và đặc thù của công việc. Những giá trị này thường được cụ thể hoá thành đạo đức nghề nghiệp trong các công việc, các ngành nghề cụ thể trong hệ thống chính trị.

Các yếu tố cấu thành văn hoá chính trị trên đây có tác động biện chứng, qua lại lẫn nhau: Hệ tư tưởng và trình độ lý luận chính trị là định hướng, là mục

tiêu; nền tảng pháp lý là sự cụ thể hoá mục tiêu và đồng thời là phương pháp, phương tiện thực hiện các mục tiêu chính trị của hệ tư tưởng. Các quy phạm dành cho các tổ chức và cá nhân trong hệ thống chính trị là tế bào, là đơn vị cơ sở cho nền tảng pháp lý và hệ tư tưởng.

6.2.2. Đặc điểm của văn hoá chính trị

Đặc trưng nổi bật của văn hoá chính trị đó "*Văn hoá chính trị có thể được đo bằng lập trường, quan điểm và lòng trung thành với lý tưởng chính trị, tính trung thực và khiêm nhường; kiên quyết, khéo léo, mưu lược, lòng nhân ái và vị tha; hướng*

[1] Sđd, tr10.

[2] GS.Trần Quốc Vượng. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*.(tái bản lần thứ 10) NXB Giáo dục, Hà Nội 1999, tr18

[3] Trích theo GS. Trần Quốc Vượng. Sđd, tr24

[4] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, in lần 2. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995. tập 3 tr413
về nhân dân và phục vụ nhân dân một cách có hiệu quả...Tất cả những điều nêu trên làm rõ bản chất của văn hoá chính trị"([1]).

- Từ đặc trưng nổi bật nêu trên, có thể khái quát văn hoá chính trị mang những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, tính giai cấp: Tính giai cấp của văn hoá chính trị thể hiện ở chỗ, mỗi một giai cấp, tầng lớp sẽ xây dựng cho mình một nền văn hoá chính trị phù hợp. Trong đó, cốt lõi của nền văn hoá đó là hệ tư tưởng chính trị của giai cấp. Từ hệ tư tưởng chính trị, nền tảng pháp lý cũng được xây dựng sao cho phù hợp với lợi ích của giai cấp, của xã hội.

Trong lịch sử loài người, ứng với mỗi giai cấp thống trị xã hội sẽ sản sinh một giá trị văn hoá chính trị không giống nhau

Văn hoá chính trị phong kiến thể hiện ở tư tưởng vua là tối cao, quyền lực tuyệt đối. Các thiết chế, rường cột của xã hội là đạo Nho với tam cương, ngũ thường, tam tông tứ đức.

Văn hóa chính trị tư sản, một sản phẩm của quá trình phát triển lịch sử nhân loại, do bị chi phối bởi hệ tư tưởng tư sản nên không tránh khỏi mang tính bản chất của văn hóa nô dịch, thực dân đế quốc, thứ văn hóa để củng cố, duy trì sự thống trị của giai cấp tư sản và chế độ sở hữu tư nhân cuối cùng trong lịch sử. Khác về chất đối với văn hóa tư sản là văn hóa vô sản.

Văn hóa chính trị vô sản, *một mặt* khẳng định hệ tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản là bộ phận cốt lõi, *mặt khác* cũng thừa nhận quy luật giao lưu, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu thêm và hoàn thiện không ngừng. Chính V.I.Lênin đã từng lưu ý: “người cộng sản chỉ có thể làm giàu tri thức của mình bằng việc tiếp thu tất cả những giá trị văn hóa của nhân loại”.

Thứ hai, tính lịch sử: Tính lịch sử của văn hoá chính trị thể hiện sự gắn bó chặt chẽ với một giai cấp và với một thời kỳ lịch sử xác định. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử, văn hoá chính trị cũng có những bước thăng trầm, dòi dôi. Tuy nhiên, trong từng dấu mốc lịch sử ta có thể chỉ ra những lát cắt của một nền văn hoá chính trị xác định.

Thứ ba, tính kế thừa: Tính kế thừa của văn hoá chính trị biểu hiện ở chỗ: thứ nhất, các chế độ chính trị ra đời sau sẽ nối tiếp những giá trị văn hoá của các chế độ trước, thứ hai, sự kế thừa không phải và không bao giờ là nguyên thủy, mà có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hoá chính trị đương đại, phù hợp với chuẩn mực đạo đức của cộng đồng, dân tộc, quốc gia và quốc tế.

Thứ tư, tính đa dạng: Tính đa dạng của văn hoá chính trị thể hiện ở chính sự đa dạng về giai cấp thống trị, đa dạng về các hình thái kinh tế xã hội, đa dạng về chế độ chính trị, hình thức nhà nước và đa dạng cả về các giá trị, chuẩn mực, các quy định.

6.2.3. Chức năng của văn hoá chính trị

Chức năng của văn hoá chính trị là toàn bộ sự thể hiện vai trò của nó đối với đời sống chính trị- xã hội. Là bộ phận của văn hóa, văn hóa chính trị là kết quả hoạt động sáng tạo của con người trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng chính trị. Đến lượt mình, văn hóa chính trị giữ vị trí quan trọng trong việc tổ chức xã hội, định hướng điều chỉnh các hành vi và quan hệ xã hội; cổ vũ, động viên, thúc đẩy những hoạt động của cá nhân, giai cấp trong chính trị, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chính trị.

Xét một cách khái quát, văn hóa chính trị có một số chức năng cơ bản sau:

- *Chức năng tổ chức và quản lý xã hội:*

Trong lịch sử phát triển của loài người, ngoại trừ xã hội cộng sản nguyên thủy được tổ chức sơ khai, bầy đàn, còn lại các xã hội đều được tổ chức theo hình ảnh, lập trường và lợi ích của giai cấp thống trị, theo văn hóa của giai cấp cầm quyền. Văn hóa chính trị của giai cấp cầm quyền trước hết được thể hiện

trong việc tổ chức, kiện toàn hệ thống chính trị, hệ thống tổ chức quyền lực và trong kết cấu của đời sống xã hội. Trong các xã hội dựa trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu trước đây, do bản chất của văn hóa chính trị của giai cấp cầm quyền là bóc lột, vô nhân đạo, phản văn hóa nên xã hội chỉ được tổ chức nhằm phục vụ cho một số ít người, còn lại, tuyệt đại đa số bộ phận người lao động bị tha hóa. Còn trong chế độ xã hội chủ nghĩa, văn hóa chính trị nhằm từng bước hoàn thiện nền dân chủ, bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân. Kiểu tổ chức xã hội dựa trên nền tảng văn hóa chính trị vô sản mở ra khả năng giải phóng lực lượng sản xuất, giải phóng mọi nguồn lực cho xã hội phát triển.

- Chức năng định hướng, điều chỉnh các hành vi của con người và các quan hệ xã hội.

Chính trên cơ sở nhân thức chính trị đúng đắn về mục tiêu lý tưởng, giai cấp cầm quyền và các nhà lãnh đạo chính trị có thể xây dựng được đường lối chính trị, nhằm hình thành các tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực tiễn theo mục tiêu chính trị đạt ra. Cùng với trình độ văn hóa chính trị xác định, con người chính trị có thể chủ động hành động theo những lý tưởng đã chọn, phù hợp với những chuẩn mực xã hội. Đặc biệt, trên nền tảng văn hóa chính trị cao, giai cấp cầm quyền có khả năng phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của yếu tố khách quan - nhân tố chủ quan; nhân tố cá nhân - nhân tố cộng đồng; nhân tố bên trong – nhân tố bên ngoài; hướng sự hoạt động xã hội theo những mục tiêu chính trị đã xác định, đồng thời có những điều chỉnh mục tiêu, phương hướng thực hiện phù hợp với xu thế và những điều kiện, hoàn cảnh mới.

Đồng thời, cũng trên nền tảng văn hóa chính trị cao có thể điều chỉnh những hành vi thái quá, sự đối đầu thái quá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định chính trị, gây nguy cơ chiến tranh.

- Chức năng đẩy mạnh xã hội hóa về chính trị, làm cho mọi người dân tham nhuần hoạt động chính trị:

Trong xã hội phát triển – xã hội có văn hóa chính trị cao - *một mặt*, mỗi cá nhân ý thức đầy đủ về vị trí của mình trong hệ thống quyền lực chính trị của xã hội cũng như những nghĩa vụ, bổn phận của mình đối với xã hội; *mặt khác*, xã hội cũng phải tạo ra và hoàn thiện cơ chế để mỗi cá nhân công dân tham gia một cách tích cực, tự giác vào công việc nhà nước và xã hội. Nhờ đó, hoạt động chính trị trở thành công việc hàng ngày của mỗi người. Trở thành nề nếp sinh hoạt xã hội. Đó là quá trình xã hội hóa về chính trị, từng bước thể hiện bản chất

dân chủ của chế độ xã hội.

- *Chức năng cổ vũ, động viên, thúc đẩy hoạt động sáng tạo của con người, hình thành nhân cách công dân, nhân cách những nhà lãnh đạo chính trị*

Trình độ, sự giác ngộ về mục tiêu lý tưởng và niềm tin vào lý tưởng của mỗi cá nhân cùng những điều kiện thuận lợi cả về cơ chế và những điều kiện vật chất kỹ thuật do xã hội tạo nên sẽ là nguồn gốc tạo nên động lực cho những những hoạt động sáng tạo có tính tích cực chính trị - xã hội của mỗi cá nhân và từng tổ chức. Đồng thời, thông qua các phong trào chính trị, bản lĩnh chính trị của cá nhân công dân đã được rèn luyện, thử thách để hình thành nhân cách công dân, nhân cách của những nhà hoạt động chính trị.

CHƯƠNG 7. CON NGƯỜI CHÍNH TRỊ VÀ THỦ LĨNH CHÍNH TRỊ

7.1. Con người chính trị và vị trí của nó trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị.

7.1.1. Quan niệm chung về con người chính trị

Có nhiều quan điểm về con người chính trị:

Thời kỳ cổ đại, Aristot cho rằng con người là động vật chính trị, nhưng thực chất đó là những quan niệm về những con người làm việc trong bộ máy cai trị của

nhà nước, là những người ưu tú trong xã hội, những người thông thái có đạo đức và phẩm hạnh, có trách nhiệm trong đời sống cộng đồng.

Trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông thì con người chính trị là những bậc đế vương, những người quân tử, còn những thần dân, tầng lớp tiểu dân thì là đối tượng bị cai trị.

Theo Ôguyxtanh và Đacanh thì con người chính trị là con người cầm quyền. Bản phận của họ là phục vụ nhân dân, chỉ huy theo pháp luật, lấy đạo đức, lấy công bằng làm gốc, từ thiện làm ngọn.

Thời kỳ phục hưng: trước hết đó là nhân dân – người vừa là quốc vương (thể hiện qua quyền bổ phiếu), vừa là bề tôi (tuân thủ những pháp quan mà nhân dân bổ sung). Sau đó là các quan chức được bổ sung qua tuyển cử. Đó là những người có đức hạnh, có trí tuệ và tình yêu tổ quốc, đặt lợi ích công lên trên lợi ích riêng.

Chính trị tự do tư sản hiện đại có những bước tiến về chính trị, hành vi chính trị, nhưng những giá trị về nhân văn, tính hoàn chỉnh về quan niệm dường như bị thụt lùi so với thời kỳ cận đại. Về con người chính trị, đã tuyệt đối hóa vai trò của thủ lĩnh, của những người siêu việt, tuyệt đối hóa con người trí tuệ, con người cá nhân. Họ quan niệm con người chính trị chỉ là những nhà chính trị đảm nhận những chức vụ quan trọng trong đảng, nhà nước và đoàn thể.

Mác và Ăngghen đã xuất phát từ con người xã hội, con người là chủ thể sáng tạo của lịch sử, trong xã hội có sự phân chia giai cấp thì hoạt động của mỗi người đều gắn với một giai cấp. Con người chính trị trước hết là con người giai cấp, bất cứ một nhà chính trị nào cũng là đại biểu của một giai cấp, một lực lượng, một dân tộc nhất định.

Như vậy, con người chính trị là con người xã hội, con người giai cấp, có vị thế khác nhau trong hệ thống tổ chức quyền lực xã hội, hoạt động của họ gắn liền với mục tiêu giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị của một giai cấp, một dân tộc, một lực lượng xã hội nhất định.

7.1.2 Đội ngũ hoạt động chính trị

Đội ngũ hoạt động chính trị là những người cùng với người đứng đầu thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của

[1] Theo PGS.TS Nguyễn Hữu Khiển. *Phân tích triết học những vấn đề cơ bản về chính trị và khoa học chính trị*. NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006

Đảng, của giai cấp, của dân tộc trong thời kỳ nhất định, là những người có ý thức về sứ mệnh chính trị, có tri thức, kinh nghiệm chính trị và nghệ thuật hoạt động chính trị.

- Có tổ chức chính trị, trí tuệ chính trị, trực giác chính trị, ý thức về sứ mệnh chính trị.
- Có kinh nghiệm chính trị
- Có tài tổ chức và nghệ thuật chính trị
- Có đạo đức văn hóa
- Có quan hệ mật thiết với quần chúng và có sức truyền cảm chính trị trong quần chúng.

Những cán bộ lãnh đạo của giai cấp công nhân cũng có những đặc trưng của những người hoạt động chính trị nói chung nhưng cũng có những đặc thù riêng.

- + Là những người có tri thức văn hóa, những người tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH phải là người đại diện cho văn hóa, khoa học tiên tiến, hiện đại.
- + Người cán bộ lãnh đạo chính trị của GCCN phải đặt lợi ích của giai cấp, dân tộc, nhân loại lên trên lợi ích cá nhân mình, tiêu biểu cho lẽ phải, công bằng trong đời sống xã hội.
- + Có bản lĩnh chính trị, trung thành với CNXH, có tài tổ chức thực tiễn
- + Có kinh nghiệm chính trị, nghệ thuật trong hoạt động chính trị
- + Phải trung thực với đồng chí, với nhân dân và với chính bản thân mình.

7.1.3 Quần chúng nhân dân

Quần chúng nhân dân là một lực lượng xã hội có sức mạnh tự thân khi được tổ chức lại, giữ vai trò quyết định trong đời sống chính trị và những biến cố chính trị.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin thì quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, là lực lượng quyết định sự phát triển của xã hội.

- Hạnh vi của quần chúng nhân dân quyết định những biến cố lịch sử vĩ đại, đặc biệt là trong các cuộc cách mạng xã hội.

- Chỉ trên cơ sở tính tích cực chính trị của quần chúng nhân dân, sức sáng tạo của nhân dân mới có thể giành được chính quyền, giành được quyền lực chính trị. Thực hiện chuyên chính vô sản là thực thi quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

7.2. Thủ lĩnh chính trị

7.2.1. Khái niệm thủ lĩnh chính trị

Thủ lĩnh chính trị là một khái niệm cơ bản của chính trị học dùng để chỉ những cá nhân xuất sắc có vai trò quan trọng trong lãnh đạo và dẫn dắt các phong trào chính trị. Đã có rất nhiều các quan niệm khác nhau về thủ lĩnh chính trị.

Trước hết là quan niệm về thủ lĩnh theo nghĩa Hán Việt: Thủ là *đầu*; lĩnh là *dẫn dắt*. Vậy thủ lĩnh là người đứng đầu, người dẫn dắt, người lãnh đạo một tập thể, một tổ chức nào đó.

Quan niệm về thủ lĩnh chính trị, các nhà chính trị học xưa nay cũng đã có nhiều quan niệm không giống nhau([1]).

i) Thời cổ đại:

Ở Hi Lạp- La Mã: Xenôphôn "thủ lĩnh chính trị là người biết chỉ huy, nhận thức được chính trị, giỏi kỹ thuật, giỏi thuyết phục, vì lợi ích chung, lôi kéo, tập hợp được quần chúng.

Xixêrôn cho rằng "đó là nhà thông thái, tập hợp, cai trị được mọi người, thể hiện được đầy đủ ý chí của thần linh.

Ở Trung Quốc: Thủ lĩnh chính trị gắn bó chặt chẽ với chế độ quân chủ chuyên chế, với ngôi vương vị. *Theo Khổng tử*, vua phải nêu gương sáng về đạo đức, biết dùng người tài, chịu khó học tập, khiêm tốn, quan tâm đến đời sống nhân dân.

Theo Hàn Phi tử: Vua phải thông thái để ban hành pháp luật một cách đúng đắn, có thuật cai trị, giữ vững vị thế của mình.

ii) Thời trung cổ:

Ôguyxtanh: người chỉ huy phải có tầm cao về trí tuệ, óc quyết đoán, cương nghị; trước hết phải tự biết chỉ huy mình trước khi chỉ huy người khác; khiêm tốn, sống điều độ, biết giới hạn tham vọng.

iii) Thời cận đại:

Các trường phái thần học, duy tâm, gia đình học tuyệt đối hóa hoặc phủ nhận vai trò của thủ lĩnh chính trị.

iv) Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về thủ lĩnh chính trị:

Theo Mác và Ăng ghen, lãnh tụ chính trị là những cá nhân kiệt xuất do phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân tạo nên. Trong quan hệ với cá nhân và quần chúng, Mác nhấn mạnh vai trò quyết định to lớn của quần chúng nhân

dân đối với phong trào cách mạng; họ là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội; họ là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội; họ là người sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần. Tuy nhiên, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác chưa bao giờ xem nhẹ vai trò của cá nhân kiệt xuất đối với phong trào cách mạng. Khẳng định vai trò to lớn đó Lê nin khẳng định "Trong lịch sử chưa hề có giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào"([2]).

Tiêu chuẩn về phẩm chất của một thủ lĩnh chính trị, cần đạt được những điều sau:

Thứ nhất, về trình độ nhận thức: có tri thức khoa học uyên bác, nắm bắt được xu thế vận động của dân tộc, quốc tế và thời đại, có sự hiểu biết sâu rộng về công tác quản lý và chuyên môn.

Thứ hai, về phẩm chất chính trị: có bản lĩnh, trung thành với lợi ích của giai cấp của dân tộc.

Thứ ba, về năng lực tổ chức: có tầm nhìn chiến lược và sách lược, có năng lực tập hợp quần chúng nhân dân, có khả năng tổ chức, động viên lôi kéo quần chúng, cấp dưới hành động, đặt mục tiêu đúng, có khả năng kiểm tra, giám sát công việc

Thứ tư, về đạo đức tác phong: trung thực, công bằng, không tham lam, có lòng tin vào bản thân và cấp dưới, say mê với công việc.

Thứ năm về khả năng làm việc: có sức khỏe tốt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, sáng tạo và dám nghĩ dám làm.

Tóm lại, ***thủ lĩnh chính trị là một cá nhân kiệt xuất trong lĩnh vực chính trị, xuất hiện và trưởng thành từ phong trào cách mạng của quần chúng ở những điều kiện lịch sử nhất định, có sự giác ngộ về lợi ích, mục tiêu và lý tưởng của giai cấp, có tri thức, có năng lực tổ chức và tập hợp quần chúng để giải quyết những nhiệm vụ chính trị do lịch sử đặt ra.***

7.2.2. Những phẩm chất của thủ lĩnh chính trị

Là thủ lĩnh chính trị thì dù ở bất cứ chế độ xã hội nào và trong bất cứ thời đại nào cũng phải có những phẩm chất nhất định, như: có trí tuệ, có năng lực đạt tới mục tiêu chính trị đề ra, có khả năng cai trị... Tuy nhiên, trong mỗi chế độ chính trị, ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, người thủ lĩnh chính trị cũng có những phẩm chất riêng. Phẩm chất của thủ lĩnh chính trị trong xã hội chiếm hữu

nô lệ khác với thủ lĩnh chính trị trong chế độ phong kiến và cũng không giống với thủ lĩnh chính trị của giai cấp tư sản. Và thủ lĩnh chính trị thiên nhiên thủ lĩnh chính trị của giai cấp vô sản khác về chất so với thủ lĩnh chính trị cả các loại thủ lĩnh trong xã hội dựa trên chế độ áp bức bóc lột. Bởi vậy, khi xem xét về phẩm chất của thủ lĩnh chính trị cần có quan điểm khách quan, toàn diện, dựa vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể và đặc biệt phải có quan điểm giai cấp rõ ràng vì chính trị là đấu tranh cho lợi ích của giai cấp.

- Theo đánh giá của các nhà khoa học ở các nước xã hội chủ nghĩa, những phẩm chất cần có của các nhà lãnh đạo là: Có khả năng tác động đối với mọi người xung quanh; Có khả năng hiểu biết mọi người và phản ứng nhanh; Có trí tuệ thực tiễn, tìm ra được các phương án bố trí mọi người dưới quyền; Có khả năng tự phê bình, biết nhìn thấy khuyết điểm của mình; Biết cách xây dựng các mối quan hệ với người xung quanh; Có trình độ tư duy trí tuệ rộng; Có tính sáng tạo; Có tính đòi hỏi với bản thân và người khác; Có khả năng tổ chức: biết đề ra mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ cụ thể, biết tổ chức quá trình thực hiện nhiệm vụ; Có khả năng cổ vũ mọi người làm việc, biết đưa công tác kiểm soát vào nề nếp; Biết độc lập đánh giá tình huống và bảo vệ ý kiến của mình; Có ý chí; Có khả năng làm việc cao.

- Theo các nhà khoa học phương Tây, những phẩm chất cần có của người lãnh đạo là: có trình độ hiểu biết và khả năng hiểu biết uyên thâm các lĩnh vực; Có trình độ tổ chức: khả năng đề ra mục tiêu cho tập thể; phân công các chức vụ cụ thể cho từng người; biết tổ chức công việc tốt; khả năng động viên mọi người; khả năng kiểm soát, kiểm tra công việc; Có khả năng giao tiếp với mọi người, biết tự mình thấy mình và nhận xét về người khác; Có tính trung thực và công bằng; Có bản lĩnh và quyết đoán; khả năng đặt ra vấn đề, thông qua đó vượt qua khó khăn; khả năng so sánh các sự việc xung quanh; Tính chân thành; Tính chịu đựng; Tính mục tiêu; Có khả năng đồng cảm; Phẩm chất về trí tuệ thể hiện khi ra quyết định, có óc suy xét trên cơ sở khoa học; Nắm được nghệ thuật lãnh đạo. Đó là hành vi đúng lúc, đúng chỗ, chính xác, là tác phong, cách nói; biết giấu đi những gì thuộc về các tính; biết giữ mình đúng ở vị trí lãnh đạo; Có lòng tin vào chính bản thân mình; Có khả năng tự kiểm tra bản thân; Có khả năng làm mất đi căng thẳng của chính mình và xung quanh; Có khả năng gìn giữ và bảo vệ uy tín của mình; Có chính kiến riêng và biết bảo vệ chính kiến; Có sự say mê và lòng tin; Có trình độ về văn hóa, nghệ thuật, xã hội; Hình dáng bề ngoài: sự gọn gàng, ngăn nắp, lịch sự; Có lòng tin vào cấp dưới và quần chúng; Là người tốt trong gia đình...

Có thể khái quát về phẩm chất của người lãnh đạo – thủ lĩnh chính trị thành 5 nhóm như sau:

Thứ nhất, về trình độ hiểu biết: người thủ lĩnh chính trị nhất thiết phải là người thông minh, hiểu biết sâu rộng các lĩnh vực; có tư duy khoa học; nắm vững được quy luật phát triển theo hướng vận động của quá trình chính trị; có khả năng dự đoán được tình hình; làm chủ được khoa học và công nghệ lãnh đạo, quản lý.

Thứ hai, về phẩm chất chính trị: thủ lĩnh chính trị phải là người giác ngộ lợi ích giai cấp; đại diện tiêu biểu cho lợi ích giai cấp; trung thành với mục tiêu lý tưởng đã chọn; dũng cảm đấu tranh bảo vệ lợi ích giai cấp, có bản lĩnh chính trị vững vàng trước những diễn biến phức tạp của lịch sử.

Thứ ba, về năng lực tổ chức: thủ lĩnh chính trị là người có khả năng về công tác tổ chức, nghĩa là biết đề ra mục tiêu đúng;

[1] Dưới đây trích dẫn một số quan điểm về thủ lĩnh chính trị theo GS.TS Dương Xuân Ngọc - TS. Lưu Văn An. *Tìm hiểu môn chính trị học dưới dạng hỏi và đáp*. NXB Lý luận chính trị. Hà Nội, 2007, tr33

[2] Dẫn theo:Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các Bộ môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2008, tr 624

phân công nhiệm vụ đúng chức năng cho cấp dưới và cho từng người; biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị; có khả năng động viên, cổ vũ, khích lệ mọi người hoạt động; có khả năng kiểm soát, kiểm tra công việc.

Thứ tư, về đạo đức, tác phong: thủ lĩnh chính trị phải là người có tính trung thực, công bằng không tham lam, vụ lợi; cởi mở và cương quyết; có lối sống giản dị; có khả năng giao tiếp và có quan hệ tốt với mọi người; biết lắng nghe ý kiến của người khác; có lòng tin vào chính bản thân mình; có khả năng tự kiểm tra bản thân, khả năng giữ gìn và bảo vệ ý kiến của mình; có lòng say mê công việc và lòng tin vào cấp dưới.

Thứ năm, về khả năng làm việc: có sức khỏe tốt, khả năng làm việc với cường độ cao, có khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, những lúc phong trào lâm vào khó khăn, thủ lĩnh chính trị có thể đưa ra được những quyết định sáng suốt; nhạy cảm và năng động; biết cảm nhận cái mới và đấu tranh vì cái mới.

7.2.3. Vai trò của thủ lĩnh chính trị

Thủ lĩnh chính trị có vai trò to lớn đối với tiến trình phát triển của lịch sử. Tuy nhiên, tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử, vị thế giai cấp hay tầng lớp xuất thân mà vai trò của thủ lĩnh chính trị có thể là tích cực hay tiêu cực.

a) Vai trò tích cực của thủ lĩnh chính trị

Vai trò tích cực của thủ lĩnh chính trị chỉ xuất hiện khi giai cấp sản sinh ra thủ lĩnh là tiến bộ, hoạt động của thủ lĩnh phù hợp với quy luật khách quan, với tiến trình phát triển của lịch sử, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của quần chúng. Đó chính là lãnh tụ của quần chúng. Chỉ như vậy họ mới tập hợp, động viên được quần chúng ủng hộ. Sức mạnh của thủ lĩnh là sức mạnh của quần chúng.

Vai trò tích cực của thủ lĩnh chính trị được thể hiện ở những điểm sau:

- Do nhận thức đúng yêu cầu phát triển của xã hội và khả năng hiện có, thủ lĩnh chính trị có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống tổ chức quyền lực mà họ chính là linh hồn của hệ thống đó, hướng hệ thống quyền lực phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của xã hội, giai cấp, góp phần tạo động lực thúc đẩy xã hội phát triển.

- Cùng đội tiên phong của giai cấp, thủ lĩnh chính trị lôi kéo, tập hợp quần chúng, thuyết phục, giáo dục và phát huy sức mạnh của quần chúng trong đấu tranh chính trị nhằm giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị, phù hợp với nhu cầu xã hội và lợi ích giai cấp.

- Thủ lĩnh chính trị của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của giai cấp, của dân tộc, do có khả năng nhìn xa trông rộng cho nên không những có khả năng tổ chức, tập hợp lực lượng, lãnh đạo phong trào mà còn có khả năng đưa phong trào vượt qua những khúc quanh co của lịch sử, thực hiện thắng lợi mục tiêu chính trị đề ra. Trong thực tiễn lịch sử, V.I.Lênin đã cùng Đảng Bôn-sê-vích Nga đã đưa nước Nga thoát khỏi cuộc bao vây tấn công của 14 nước đế quốc, thoát khỏi thời kỳ kiệt quệ của cuộc nội chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng công-nhân-sản Việt Nam đưa cách mạng nước ta đi đúng quỹ đạo của cách mạng vô sản, vượt qua hiểm nghèo "ngàn cân treo sợi tóc" (1946), để giành thắng lợi trong chiến tranh chống thực dân Pháp...

- Thủ lĩnh chính trị có vai trò thúc đẩy nhanh tiến trình cách mạng, mang lại hiệu quả cao cho phong trào cách mạng, cho hoạt động của quần chúng. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ của thời đại đặt ra, thủ lĩnh chính trị đi vào lịch sử, sống

trong tâm tưởng của thời đại sau

b) Ảnh hưởng tiêu cực của thủ lĩnh chính trị

Thông thường, ảnh hưởng tiêu cực của thủ lĩnh chính trị là do vị thế của giai cấp sản sinh ra thủ lĩnh quyết định. Tuy nhiên, ở giai cấp tiến bộ cũng có trường hợp, do người lãnh đạo thiếu tài, kém đức hoặc có tài nhưng kém đức, cá nhân chủ nghĩa, chuyên quyền độc đoán nên không có khả năng nhận thức đúng đắn và vận dụng sáng tạo quy luật khách quan, hoặc nhận thức đúng mà hoạt động trái với quy luật khách quan, trái với lợi ích của quần chúng, đi ngược xu thế cuat thời đại. Trong trường hợp này, vai trò của người thủ lĩnh kìm hãm sự phát triển của lịch sử.

Ảnh hưởng tiêu cực của thủ lĩnh chính trị thể hiện ở những điểm sau:

- Do thiếu tài, kém đức nên không có khả năng lãnh đạo phong trào, không biết "chớp thời cơ, vượt thử thách" để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đặt ra, đặc biệt, trước những bước ngoặt của lịch sử thường tỏ ra bối rối, giao động, thậm chí trở nên phản động, lái phong trào đi ngược lợi ích của quần chúng.

- Người thủ lĩnh không xuất phát từ lợi ích chung mà vì quyền lợi riêng, động cơ không trong sáng nên thường gây bè phái riêng rẽ, mất đoàn kết trong hệ thống tổ chức quyền lực, làm suy giảm vai trò, sức mạnh của tổ chức, hạn chế, ngăn cản khả năng của mỗi cá nhân, làm giảm hiệu quả giải quyết những nhiệm vụ, mục tiêu chính trị đề ra.

- Do phong cách làm việc độc đoán chuyên quyền, hoặc do năng lực hạn chế của người thủ lĩnh mà nguyên tắc dân chủ trong tổ chức và hoạt động bị tước bỏ, nhân quyền thường bị vi phạm, phong trào cách mạng thiếu động lực và sinh khí để phát triển.

- Trong điều kiện thế giới biến động đầy phức tạp như hiện nay, quyết định sai trái của "những cái đầu nóng" của các vị thủ lĩnh khiến nhân loại phải trả giá đắt, đôi khi không thể lường trước được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*(Dùng trong các trường Cao đẳng, Đại học). NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2004.

2. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng. *Xã hội học*. NXB Thế giới. Hà Nội, 2008
3. Ts. Trần Thái Dương. *Hỏi đáp những tri thức cơ bản môn lý luận Nhà nước và pháp luật*. NXB Tư pháp. Hà Nội, 2004.
4. Bùi Xuân Đính. *Nhà nước và pháp luật thời Phong kiến Việt Nam- những suy ngẫm*. NXB Tư pháp. Hà Nội, 2005.
5. TS. Đinh Văn Mậu - TS. Phạm Hồng Thái: *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*. NXB Tổng hợp Đồng Nai, Biên Hoà, 2005.
6. PGS. TS Thái Vĩnh Thắng- PGS. TS Nguyễn Đăng Dung - Nguyễn Chu Dương. *Thế chế chính trị các nước châu Âu*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2008.
7. Trung tâm Nghiên cứu xuất bản sách và tạp chí.- Trương Thìn. *Hương ước xưa và quy ước làng văn hoá ngày nay*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2005
8. GV. Nguyễn Trọng Luật. *Tập bài giảng chính trị học đại cương*. Tài liệu lưu hành nội bộ
9. GS.TS Dương Xuân Ngọc - TS. Lưu Văn An. *Tìm hiểu môn chính trị học dưới dạng hỏi và đáp*. NXB Lý luận chính trị. Hà Nội, 2007.
10. Lê Hồng Lôi(Lê Quốc Khánh, Trần Thị Thuý Ngọc dịch). *Đạo của Quản lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
11. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các Bộ môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2008.
12. Bộ giáo dục và đào tạo. *Chính trị (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2002.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2009.
13. PGS.TS Nguyễn Hữu Khiển. *Phân tích triết học những vấn đề cơ bản về chính trị và khoa học chính trị*. NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
14. Trung tâm Khoa học và nhân văn quốc gia.Viện nghiên cứu tôn giáo. GS.TS Đỗ Quang Hưng. *Bước đầu tìm hiểu về mối quan hệ giữa Nhà nước và giáo hội*. NXB Tôn giáo. Hà Nội, 2003.
15. TS. Nguyễn Thế Lực. *Tìm hiểu môn Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và địa - chính trị thế giới*. NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
16. TS. Nguyễn Hoàng Giáp. *Sự phối hợp hoạt động của các Đảng Cộng sản và cánh tả trên thế giới hiện nay*. NXB Lý luận chính trị. Hà Nội, 2006